

**KẾT QUẢ XÉT ĐIỀU KIỆN VÀ HÌNH THỨC THỰC HIỆN
BÀI THI TỐT NGHIỆP CUỐI KHÓA TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

Khoa Công nghệ Thông tin

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp			Khóa học	Ghi chú			
					Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận			Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp		
								Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng					TT_BTTN 1	TT_BTTN 2	TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Nhóm 01 Sinh viên đủ điều kiện thực hiện BTTN cuối khóa																	
1	DH51904901	Hồ Nguyễn Bảo Trường Vinh	D19_TH06	7.03	154	68	0	0	0	0	Đạt	X				2019-2023	
2	DH52001690	Trần Thị Mỹ Duyên	D20_TH01	6.29	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
3	DH52001927	Trần Ngọc Thoại	D20_TH01	6.14	142	64	9	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
4	DH52003255	Lê Triệu Thanh Phương	D20_TH02	5.99	147	64	4	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
5	DH52006069	Đặng Thanh Sang	D20_TH03	5.86	142	63	9	5	0	5	Đạt	X				2020-2024	
6	DH52001476	Vương Đức Cường	D20_TH04	6.13	147	65	4	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
7	DH52002712	Bùi Vương Huy	D20_TH04	6.13	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2020-2024	
8	DH52001408	Nguyễn Quang Luật	D20_TH04	5.97	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2020-2024	
9	DH52003503	Đỗ Chí Tài	D20_TH04	6.12	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2020-2024	
10	DH52004750	Lê Tấn Được	D20_TH07	6.11	144	65	9	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
11	DH52005992	Liễu Minh Nhân	D20_TH07	6.10	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2020-2024	
12	DH52005870	Vũ Trung Kiên	D20_TH08	6.05	148	66	3	1	0	1	Đạt	X				2020-2024	
13	DH52005804	Mai Chí Hiệp	D20_TH09	6.64	151	67	0	0	0	0	Đạt	X				2020-2024	
14	DH52005383	Đặng Thị Kim Ngân	D20_TH09	6.27	143	64	8	4	0	4	Đạt	X				2020-2024	
15	DH52006236	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	D20_TH09	5.97	142	64	9	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
16	DH52005828	Nguyễn Văn Hoàng	D20_TH10	6.81	149	67	2	1	0	1	Đạt	X				2020-2024	
17	DH52006207	Huỳnh Hồng Thuyền	D20_TH10	5.79	145	65	9	4	0	4	Đạt	X				2020-2024	
18	DH52007089	Huỳnh Minh Khoa	D20_TH11	6.36	145	64	6	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
19	DH52006902	Nguyễn Minh Khuê	D20_TH11	6.46	144	66	9	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
20	DH52007047	Nguyễn Phước Nguyên	D20_TH11	6.42	143	64	8	3	0	3	Đạt	X				2020-2024	
21	DH52102644	Phạm Đình Lan Khương	D21_TH01	6.63	148	67	3	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
22	DH52100953	Đàm Huỳnh Minh Nghĩa	D21_TH01	6.19	143	64	8	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
23	DH52100231	Nguyễn Hoàng Phúc	D21_TH01	6.70	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
24	DH52100018	Nguyễn Nguyễn Thi	D21_TH01	6.66	144	64	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
25	DH52005758	Nguyễn Vũ Ân Điển	D21_TH02	6.73	142	64	9	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	
26	DH52100311	Đặng Ngọc Hiếu	D21_TH02	6.56	145	66	6	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
27	DH52101267	Lưu Ngọc Lan	D21_TH02	7.05	143	63	8	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
28	DH52104938	Nguyễn Vũ	Luân	D21_TH02	7.60	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
29	DH52103613	Lâu Ngọc	Phú	D21_TH02	6.19	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
30	DH52106083	Lê Trung	Phú	D21_TH02	6.06	142	64	9	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	
31	DH52105154	Nguyễn Tuấn	Sang	D21_TH02	6.42	143	65	8	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
32	DH52101584	Nguyễn Thị Anh	Thư	D21_TH02	6.06	142	65	9	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
33	DH52100800	Thân Quốc	Tú	D21_TH02	6.36	143	65	8	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
34	DH52101490	Phan Dương	Khang	D21_TH03	6.56	148	65	3	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
35	DH52108297	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	D21_TH03	6.23	142	63	9	5	0	5	Đạt	X				2021-2025	
36	DH52107035	Lưu Tấn	Sang	D21_TH03	6.30	147	65	4	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
37	DH52102720	Trần Nguyễn Bảo	Uyên	D21_TH03	6.47	142	64	9	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
38	DH52103479	Trịnh Gia	Đạt	D21_TH04	6.42	144	64	7	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	
39	DH52108371	Nguyễn Tấn	Hoàng	D21_TH04	6.29	148	66	3	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
40	DH52104533	Võ Trí	Nhân	D21_TH04	7.10	145	65	6	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
41	DH52106169	Phan Trường	Giang	D21_TH05	6.48	146	64	5	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
42	DH52108033	Võ Ngọc Tấn	Tài	D21_TH05	6.40	143	65	8	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
43	DH52106768	Nguyễn Văn	Công	D21_TH06	6.31	148	67	6	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
44	DH52111166	Nguyễn Trung	Kiên	D21_TH06	6.94	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
45	DH52108397	Nguyễn Trí	Lợi	D21_TH06	6.40	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
46	DH52106328	Lê Trung	Hiếu	D21_TH07	5.97	142	64	9	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
47	DH52100330	Nguyễn Quang	Huy	D21_TH07	6.35	145	64	6	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	
48	DH52104425	Nguyễn Anh	Quốc	D21_TH07	6.10	148	66	3	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
49	DH52110549	Lê Nhật	Anh	D21_TH08	6.70	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
50	DH52111132	Hồ Đăng	Khoa	D21_TH08	6.44	147	66	4	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
51	DH52110875	Phan Nhật	Hào	D21_TH09	6.36	149	67	2	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
52	DH52111445	Lê Trần Ngọc	Như	D21_TH09	6.64	142	65	9	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
53	DH52111471	Mai Xuân	Phát	D21_TH09	6.23	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
54	DH52111660	Trương Tấn	Sang	D21_TH09	6.42	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
55	DH52111832	Đỗ Hoàng	Thông	D21_TH09	6.53	147	66	4	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
56	DH52111902	Nguyễn Hữu	Toàn	D21_TH09	6.57	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
57	DH52110599	Nguyễn Gia	Bảo	D21_TH10	6.65	147	66	4	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
58	DH52110898	Bùi Nguyễn Trọng	Hiếu	D21_TH10	6.58	142	65	9	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
59	DH52111112	Đỗ Quốc	Khánh	D21_TH10	6.54	146	65	5	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
60	DH52111497	Vương Lập	Phong	D21_TH10	6.56	149	67	2	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
61	DH52111554	Phạm Hoàng	Phúc	D21_TH10	6.31	149	67	2	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
62	DH52111753	Viên Tuấn	Thành	D21_TH10	7.06	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
63	DH52111916	Huỳnh Thị Cẩm	Trân	D21_TH10	6.77	148	66	3	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
64	DH52111036	Nguyễn Xuân	Huy	D21_TH11	6.20	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
65	DH52111142	Nguyễn Huỳnh Thanh	Khoa	D21_TH11	6.95	143	65	8	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
66	DH52111178	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	D21_TH11	7.11	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
67	DH52112851	Bùi Minh	Nghĩa	D21_TH11	6.25	145	65	6	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
68	DH52111624	Nguyễn Trọng Từ	Quy	D21_TH12	6.55	146	66	5	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
69	DH52111688	Nguyễn Mạnh	Tài	D21_TH12	6.58	142	64	9	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	
70	DH52111690	Nguyễn Thanh	Tài	D21_TH12	6.68	147	66	4	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
71	DH52111993	Võ Ngọc	Tú	D21_TH12	6.64	146	65	5	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
72	DH52112114	Vũ Duy Anh	Vũ	D21_TH12	6.44	148	67	3	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
73	DH52111216	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D21_TH13	6.43	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
74	DH52111968	Phạm Thành	Trung	D21_TH13	7.56	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
75	DH52112001	Huỳnh Nguyễn Minh	Tuấn	D21_TH13	6.73	148	67	3	1	0	1	Đạt	X				2021-2025	
76	DH52112028	Nguyễn Tiến	Tùng	D21_TH13	6.36	145	64	6	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
77	DH52110574	Vũ Đức	Anh	D21_TH14	6.52	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
78	DH52110662	Phạm Phú	Cường	D21_TH14	6.02	142	63	9	3	1	4	Đạt	X				2021-2025	
79	DH52110709	Nguyễn Minh	Duy	D21_TH14	6.37	147	66	4	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
80	DH52110908	Lưu Trọng	Hiếu	D21_TH14	6.48	147	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
81	DH52111060	Lý Ngọc	Hung	D21_TH14	6.41	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
82	DH52111056	Nguyễn Diễm	Huỳnh	D21_TH14	6.21	143	64	8	4	0	4	Đạt	X				2021-2025	
83	DH52112913	Phan Huỳnh Hoàng	Lâm	D21_TH14	6.35	148	66	3	2	0	2	Đạt	X				2021-2025	
84	DH52111787	Nguyễn Nhật	Thiên	D21_TH14	6.43	144	65	7	3	0	3	Đạt	X				2021-2025	
85	DH52112122	Nguyễn Thị Yến	Vy	D21_TH14	7.21	151	68	0	0	0	0	Đạt	X				2021-2025	
86	DH52200383	Trần Ngọc	Bích	D22_TH01	7.74	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
87	DH52200410	Đỗ Thành	Chung	D22_TH01	7.88	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
88	DH52200559	Lê Khánh	Duy	D22_TH01	8.84	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
89	DH52200562	Lê Trọng	Duy	D22_TH01	7.13	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
90	DH52200637	Nguyễn Trí	Hào	D22_TH01	7.26	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
91	DH52200741	Nguyễn Thế	Hung	D22_TH01	6.87	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học		Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp					
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án			Tổng	TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
92	DH52200758	Huỳnh Lai	Hữu	D22_TH01	8.37	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
93	DH52200761	Diệp Thế	Huy	D22_TH01	6.63	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
94	DH52200784	Nguyễn Phan Trường	Huy	D22_TH01	8.04	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
95	DH52200789	Nguyễn Tuấn	Huy	D22_TH01	7.04	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
96	DH52200826	Hồ Tuấn	Khải	D22_TH01	7.42	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
97	DH52200848	Phan Vỹ	Khang	D22_TH01	7.71	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
98	DH52200914	Nguyễn Minh	Khoa	D22_TH01	6.54	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
99	DH52200956	Tiêu Chấn	Kiệt	D22_TH01	6.65	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
100	DH52200993	Đặng Phước	Lộc	D22_TH01	6.87	132	59	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
101	DH52201098	Nguyễn Hữu	Nghĩa	D22_TH01	6.13	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
102	DH52201136	Hoàng Hà Thiện	Nhân	D22_TH01	6.40	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
103	DH52201180	Huỳnh Bảo Minh	Phát	D22_TH01	6.31	132	59	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
104	DH52201285	Huỳnh Ngọc	Quân	D22_TH01	6.92	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
105	DH52201354	Dương Bá	Sang	D22_TH01	7.49	139	62	2	0	1	1	Đạt	X				2022-2026	
106	DH52201490	Võ Đình	Thiệu	D22_TH01	6.96	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
107	DH52201509	Đặng Thị Thiên	Thơ	D22_TH01	6.73	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
108	DH52111865	Phạm Ngọc Anh	Thư	D22_TH01	6.34	134	60	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
109	DH52201544	Nguyễn Văn	Thường	D22_TH01	6.99	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
110	DH52201559	Phạm Quốc	Tiến	D22_TH01	7.01	135	60	6	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
111	DH52201632	Nguyễn Thanh	Trí	D22_TH01	6.48	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
112	DH52201782	Bùi Nguyễn Minh	Vy	D22_TH01	6.55	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
113	DH52200329	Nguyễn Hoàng Mai	Anh	D22_TH02	7.57	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
114	DH52200344	Võ Phương	Anh	D22_TH02	7.37	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
115	DH52200423	Lâm Dũ	Cường	D22_TH02	8.33	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
116	DH52200508	Trần Đình	Định	D22_TH02	6.65	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
117	DH52200618	Nguyễn Hoàng	Hải	D22_TH02	6.91	132	61	9	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
118	DH52200627	Nguyễn Thúy	Hằng	D22_TH02	7.31	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
119	DH52200670	Bành Kim	Hiếu	D22_TH02	6.33	133	59	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
120	DH52200821	Huỳnh Đông	Kha	D22_TH02	7.57	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
121	DH52200859	Nguyễn Phan Hữu	Khanh	D22_TH02	8.40	144	65	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
122	DH52200897	Cao Hoàng Đăng	Khoa	D22_TH02	6.84	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
123	DH52200948	Ngô Anh	Kiệt	D22_TH02	7.69	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
124	DH52200975	Hoàng Đặng Diệp	Lân	D22_TH02	7.46	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
125	DH52201031	Triệu Kim	Long	D22_TH02	8.40	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
126	DH52201057	Lưu Thái	Minh	D22_TH02	7.09	138	61	3	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
127	DH52201081	Nguyễn Văn	Nam	D22_TH02	7.00	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
128	DH52201099	Nguyễn Phước	Nghĩa	D22_TH02	6.96	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
129	DH52111440	Huỳnh	Nhu	D22_TH02	8.35	142	63	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
130	DH52201181	Huỳnh Nguyễn Tấn	Phát	D22_TH02	8.07	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
131	DH52201183	Lai Thuận	Phát	D22_TH02	7.26	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
132	DH52201278	Nguyễn Ngọc Minh	Phương	D22_TH02	7.35	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
133	DH52201319	Nguyễn Văn	Quý	D22_TH02	7.23	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
134	DH52201335	Thái Trọng	Quý	D22_TH02	6.41	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
135	DH52201466	Phạm Trí	Thành	D22_TH02	6.39	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
136	DH52201516	Nguyễn Minh	Thông	D22_TH02	7.57	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
137	DH52201527	Trần Thị Minh	Thư	D22_TH02	7.57	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
138	DH52201580	Nguyễn Quốc	Tinh	D22_TH02	8.23	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
139	DH52201581	Nguyễn Thị Kim	Tòa	D22_TH02	7.40	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
140	DH52201590	Nguyễn Việt	Toàn	D22_TH02	6.47	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
141	DH52201610	Lương Thị Huyền	Trang	D22_TH02	7.14	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
142	DH52201638	Trần Hải	Trí	D22_TH02	7.17	135	61	6	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
143	DH52201642	Lê Minh	Triều	D22_TH02	6.96	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
144	DH52201679	Nguyễn Hồng Quốc	Trường	D22_TH02	6.75	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
145	DH52201738	Võ Phúc	Tường	D22_TH02	6.72	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
146	DH52201744	Nguyễn Thị Thanh	Vân	D22_TH02	6.96	139	61	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
147	DH52201763	Nguyễn Quang	Vinh	D22_TH02	6.59	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
148	DH52201789	Nguyễn Châu Triệu	Vỹ	D22_TH02	6.82	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
149	DH52200319	Bùi Mai Trâm	Anh	D22_TH03	7.12	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
150	DH52200439	Nguyễn Hải	Đặng	D22_TH03	6.85	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
151	DH52200499	Trần Tuấn	Đạt	D22_TH03	7.07	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
152	DH52200529	Bùi Hoàng Đức	Dũng	D22_TH03	8.74	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
153	DH52200608	Trịnh Minh	Giàu	D22_TH03	6.65	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
154	DH52200662	Nguyễn Minh	Hiển	D22_TH03	7.50	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
155	DH52200681	Ngô Trần Trung	Hiếu	D22_TH03	6.82	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
156	DH52200683	Nguyễn Thanh	Hiếu	D22_TH03	8.13	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
157	DH52201066	Trịnh Nhật	Minh	D22_TH03	7.34	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
158	DH52201068	Vũ Thành Nhật	Minh	D22_TH03	6.81	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
159	DH52201070	Nguyễn Thị Trúc	My	D22_TH03	8.30	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
160	DH52201253	Phan Hữu	Phúc	D22_TH03	6.96	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
161	DH52201275	Khuru Ngọc Thanh	Phương	D22_TH03	8.71	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
162	DH52201315	Trần Nhật	Quang	D22_TH03	7.15	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
163	DH52201345	Bùi Vạn	Quỳnh	D22_TH03	6.17	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
164	DH52201392	Phạm Hữu	Tài	D22_TH03	7.24	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
165	DH52201412	Trần Thanh	Tân	D22_TH03	7.63	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
166	DH52201419	Nguyễn Quốc	Thái	D22_TH03	6.91	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
167	DH52201451	Tân Khải	Thanh	D22_TH03	6.91	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
168	DH52201475	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	D22_TH03	8.94	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
169	DH52201569	Nguyễn Trọng	Tin	D22_TH03	7.82	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
170	DH52201601	Trần Thị Ngọc	Trâm	D22_TH03	6.96	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
171	DH52201659	Phan Thanh	Trọng	D22_TH03	7.20	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
172	DH52201699	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D22_TH03	7.55	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
173	DH52201724	Võ Hoàng	Tuấn	D22_TH03	6.94	134	60	7	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
174	DH52201757	Nguyễn Lâm Chí	Vinh	D22_TH03	6.76	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
175	DH52200311	Phan Nguyễn Hoài	An	D22_TH04	7.20	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
176	DH52200347	Nguyễn Hoàng Thiên	Bách	D22_TH04	7.29	141	59	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
177	DH52200352	Đào Quốc	Bảo	D22_TH04	7.21	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
178	DH52200388	Đỗ Thanh	Bình	D22_TH04	7.48	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
179	DH52200412	Dương Nguyên	Chương	D22_TH04	6.53	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
180	DH52200445	Trần Minh	Đặng	D22_TH04	6.67	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
181	DH52200536	Nguyễn Quang	Dũng	D22_TH04	6.27	132	60	9	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
182	DH52200561	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D22_TH04	6.70	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
183	DH52200604	Nguyễn Bá Quỳnh	Giao	D22_TH04	7.28	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
184	DH52200695	Lê Lưu Trung	Hòa	D22_TH04	7.40	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
185	DH52200700	Nguyễn Thanh	Hoài	D22_TH04	7.29	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
186	DH52200717	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH04	7.26	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
187	DH52200724	Trần Thái	Học	D22_TH04	6.35	135	61	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
188	DH52200733	Tổng Thới Duy	Hùng	D22_TH04	7.34	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
189	DH52200787	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH04	8.94	145	66	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
190	DH52200792	Phạm Lê	Huy	D22_TH04	6.76	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
191	DH52200811	Võ Bùi Đình	Huy	D22_TH04	7.51	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
192	DH52200876	Nguyễn Minh	Khánh	D22_TH04	8.13	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
193	DH52200893	Thân Hoàng	Khiêm	D22_TH04	6.75	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
194	DH52200923	Đỗ Tiến Anh	Khôi	D22_TH04	8.24	141	60	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
195	DH52201051	Dương Ngọc Hùng	Minh	D22_TH04	6.90	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
196	DH52201148	Võ Văn	Nhân	D22_TH04	6.91	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
197	DH52201248	Nguyễn Thanh	Phúc	D22_TH04	7.30	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
198	DH52201258	Trần Thanh Hoài	Phúc	D22_TH04	7.66	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
199	DH52201324	Nguyễn Võ Anh	Quốc	D22_TH04	8.44	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
200	DH52201605	Trần Mỹ	Trần	D22_TH04	6.50	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
201	DH52201669	Nguyễn Hoài	Trung	D22_TH04	6.24	133	59	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
202	DH52201780	Đặng Huy	Vương	D22_TH04	6.89	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
203	DH52200434	Phan Trọng	Đại	D22_TH05	7.01	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
204	DH52200697	Ngô Thanh	Hòa	D22_TH05	8.06	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
205	DH52200754	Dương Thị Hồng	Hương	D22_TH05	7.09	140	62	4	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
206	DH52200924	Huỳnh Minh	Khôi	D22_TH05	7.18	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
207	DH52200938	Lê Trung	Kiên	D22_TH05	7.03	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
208	DH52200971	Trần Kiên	Lâm	D22_TH05	7.25	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
209	DH52201078	Nguyễn An	Nam	D22_TH05	7.34	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
210	DH52201132	Trần Thanh	Nhã	D22_TH05	7.20	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
211	DH52201160	Phạm Yến	Nhi	D22_TH05	7.10	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
212	DH52201247	Nguyễn Phạm Thiên	Phúc	D22_TH05	6.94	139	63	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
213	DH52201310	Nguyễn Vinh	Quang	D22_TH05	7.72	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
214	DH52201384	Nguyễn Đại	Tài	D22_TH05	6.91	132	59	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
215	DH52201396	Trần Văn	Tài	D22_TH05	6.52	135	60	6	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
216	DH52201421	Trần Quang	Thái	D22_TH05	6.72	147	66	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
217	DH52201450	Nguyễn Văn	Thanh	D22_TH05	7.27	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
218	DH52201505	Phạm Đoàn	Thịnh	D22_TH05	6.43	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
219	DH52201548	Đông Hoàng	Tiến	D22_TH05	8.33	144	65	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
220	DH52201570	Nguyễn Văn	Tin	D22_TH05	7.33	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
221	DH52201704	Hoàng Lê Anh	Tuấn	D22_TH05	6.89	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
222	DH52201762	Nguyễn Quang	Vinh	D22_TH05	6.44	133	61	8	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
223	DH52201768	Vân Đặng Phúc	Vinh	D22_TH05	7.28	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
224	DH52200313	Trần Hoài	An	D22_TH06	6.35	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
225	DH52200357	Huỳnh Chí	Bảo	D22_TH06	8.18	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
226	DH52200446	Võ Chung Khánh	Đặng	D22_TH06	8.09	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
227	DH52200473	Lê Văn	Đạt	D22_TH06	7.79	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
228	DH52200478	Nguyễn Hữu	Đạt	D22_TH06	6.30	133	59	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
229	DH52200531	Đoàn Công Trí	Dũng	D22_TH06	6.99	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
230	DH52200555	Đặng Quốc	Duy	D22_TH06	7.19	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
231	DH52200593	Võ Hoàng	Duy	D22_TH06	7.61	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
232	DH52200710	Nguyễn	Hoàng	D22_TH06	6.45	135	61	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
233	DH52200858	Nguyễn Ngọc Tuấn	Khanh	D22_TH06	6.38	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
234	DH52200884	Trần Diệp Đồng	Khánh	D22_TH06	6.77	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
235	DH52200925	Huỳnh Minh	Khôi	D22_TH06	6.95	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
236	DH52200990	Nguyễn Mai	Linh	D22_TH06	7.05	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
237	DH52201164	Nguyễn Thị Hồng	Như	D22_TH06	7.55	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
238	DH52201236	Lê Minh	Phúc	D22_TH06	7.52	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
239	DH52201243	Nguyễn Hoàng	Phúc	D22_TH06	6.82	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
240	DH52201284	Hoàng Anh	Quản	D22_TH06	6.62	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
241	DH52201331	Nguyễn Ngọc Trung	Quý	D22_TH06	6.15	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
242	DH52201349	Trần Thị Mai	Quỳnh	D22_TH06	6.66	135	60	6	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
243	DH52201360	Nguyễn Thanh	Sang	D22_TH06	6.74	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
244	DH52201401	Nguyễn Văn	Tâm	D22_TH06	7.72	139	61	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
245	DH52201462	Nguyễn Trường	Thành	D22_TH06	7.67	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
246	DH52201498	Nguyễn Hồ Phúc	Thịnh	D22_TH06	7.43	138	61	3	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
247	DH52201514	Lê Trần Minh	Thông	D22_TH06	7.11	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
248	DH52201566	Hồ Văn	Tin	D22_TH06	7.74	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
249	DH52201668	Kheo Hoàng	Trung	D22_TH06	6.52	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
250	DH52201749	Hoàng Quốc	Việt	D22_TH06	8.39	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
251	DH52201767	Trương Thế	Vinh	D22_TH06	6.72	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
252	DH52201783	Đỗ Ngọc Tường	Vy	D22_TH06	7.85	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
253	DH52201795	Đoàn Thị Bảo	Yến	D22_TH06	6.33	132	59	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
254	DH52200538	Phạm Anh	Dũng	D22_TH07	6.81	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
255	DH52200624	Nguyễn Gia	Hân	D22_TH07	7.21	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
256	DH52200640	Tô Nhật	Hào	D22_TH07	7.57	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
257	DH52200690	Đỗ Văn	Hin	D22_TH07	7.08	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
258	DH52200694	Đỗ Thuận	Hòa	D22_TH07	8.83	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
259	DH52200759	Trần Võ Chí	Hữu	D22_TH07	6.57	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
260	DH52200988	Phan Vũ	Linh	D22_TH07	7.69	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
261	DH52201004	Trần Hữu	Lộc	D22_TH07	7.06	140	61	3	1	1	2	Đạt	X				2022-2026	
262	DH52201005	Trần Tấn	Lộc	D22_TH07	6.79	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
263	DH52201096	Lý Hậu	Nghĩa	D22_TH07	7.31	141	62	2	0	1	1	Đạt	X				2022-2026	
264	DH52201104	Trần Tuấn	Nghĩa	D22_TH07	6.65	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
265	DH52201123	Phạm Văn Nhật	Nguyễn	D22_TH07	6.42	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
266	DH52201259	Trần Trọng	Phúc	D22_TH07	7.58	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
267	DH52201265	Lê Đặng Hải	Phúc	D22_TH07	6.70	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
268	DH52201267	Đỗ Hoàng	Phước	D22_TH07	7.38	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
269	DH52201326	Trần ái	Quốc	D22_TH07	7.68	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
270	DH52201380	Bùi Minh	Tài	D22_TH07	7.17	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
271	DH52201400	Nguyễn Minh	Tâm	D22_TH07	8.26	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
272	DH52201443	Trương Minh	Thắng	D22_TH07	7.68	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
273	DH52201487	Trần Chí	Thiện	D22_TH07	8.63	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
274	DH52201625	Nguyễn Đình	Trí	D22_TH07	6.57	132	61	9	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
275	DH52201645	Hồ Minh	Triệu	D22_TH07	6.53	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
276	DH52201675	Hoàng Nhật	Trường	D22_TH07	6.84	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
277	DH52201707	Lê Dương Anh	Tuấn	D22_TH07	7.70	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
278	DH52201764	Phan Lực	Vinh	D22_TH07	7.29	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
279	DH52200332	Nguyễn Tuấn	Anh	D22_TH08	7.72	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
280	DH52200345	Võ Thái	Anh	D22_TH08	6.03	133	61	8	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
281	DH52200364	Ngô Thanh	Bảo	D22_TH08	7.23	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
282	DH52200381	Vòng Thanh	Bảo	D22_TH08	6.74	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
283	DH52200405	Nguyễn Ngọc	Châu	D22_TH08	7.06	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
284	DH52200424	Nguyễn Trí Cường	D22_TH08	7.35	139	63	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026		
285	DH52200431	Nguyễn Cường Đại	D22_TH08	8.43	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
286	DH52200444	Tiêu Hải Đăng	D22_TH08	7.19	138	62	3	1	1	2	Đạt	X				2022-2026		
287	DH52200460	Hà Tấn Đạt	D22_TH08	6.60	133	59	8	5	0	5	Đạt	X				2022-2026		
288	DH52200582	Phạm Đức Duy	D22_TH08	7.23	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
289	DH52200587	Trần Khánh Duy	D22_TH08	7.14	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
290	DH52200682	Nguyễn Khánh Hiếu	D22_TH08	7.33	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
291	DH52200736	Nguyễn Bùi Phúc Hưng	D22_TH08	7.07	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
292	DH52200742	Phạm Huỳnh Thanh Hưng	D22_TH08	7.78	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026		
293	DH52200762	Đình Việt Huy	D22_TH08	7.99	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
294	DH52200803	Trần Gia Huy	D22_TH08	7.78	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
295	DH52200843	Nguyễn Lưu Bảo Khang	D22_TH08	8.21	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
296	DH52201067	Trương Ngọc Minh	D22_TH08	7.88	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026		
297	DH52201076	Hàng Hồ Nam	D22_TH08	6.61	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
298	DH52201122	Nguyễn Trung Nguyên	D22_TH08	6.95	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026		
299	DH52201126	Trần Trung Nguyên	D22_TH08	7.55	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
300	DH52201134	Đỗ Thành Nhân	D22_TH08	8.65	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
301	DH52201173	Chong Tuấn Phát	D22_TH08	8.26	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
302	DH52201225	Võ Thiên Phú	D22_TH08	7.79	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
303	DH52201283	Hà Hồng Quân	D22_TH08	7.30	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
304	DH52201291	Nguyễn Hồng Minh Quân	D22_TH08	7.43	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
305	DH52201294	Nguyễn Mạnh Quân	D22_TH08	7.67	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026		
306	DH52201330	Ngô Minh Quý	D22_TH08	7.57	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
307	DH52201366	Bùi Nguyễn Sơn	D22_TH08	7.84	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
308	DH52201452	Đặng Thành Thành	D22_TH08	6.80	135	61	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
309	DH52201455	La Chí Thành	D22_TH08	6.42	134	59	7	4	0	4	Đạt	X				2022-2026		
310	DH52201541	Nguyễn Duy Thức	D22_TH08	7.90	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026		
311	DH52201547	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	D22_TH08	6.96	141	63	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
312	DH52201549	Hồ Anh Tiến	D22_TH08	7.50	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		
313	DH52201607	Đoàn Thị Huyền Trang	D22_TH08	8.64	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026		
314	DH52201784	Nguyễn Thảo Vy	D22_TH08	6.69	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026		
315	DH52200346	Ngô Xuân Bắc	D22_TH09	6.70	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026		

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
316	DH52200363	Ngô Gia	Bảo	D22_TH09	6.60	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
317	DH52200568	Nguyễn Khánh	Duy	D22_TH09	7.05	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
318	DH52200613	Nguyễn Thị Thu	Hà	D22_TH09	6.77	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
319	DH52200737	Nguyễn Hoàng	Hung	D22_TH09	7.41	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
320	DH52200764	Đoàn Hoàng	Huy	D22_TH09	7.02	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
321	DH52200795	Phạm Nguyễn Nhật	Huy	D22_TH09	6.45	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
322	DH52200881	Nguyễn Xuân	Khánh	D22_TH09	7.03	139	63	2	0	1	1	Đạt	X				2022-2026	
323	DH52200928	Nguyễn Đăng	Khôi	D22_TH09	6.69	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
324	DH52200939	Nguyễn Hữu	Kiên	D22_TH09	6.69	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
325	DH52200960	Võ Gia	Kiệt	D22_TH09	7.30	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
326	DH52200978	Phan Công	Lập	D22_TH09	7.56	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
327	DH52200999	Nguyễn Hữu	Lộc	D22_TH09	7.07	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
328	DH52201044	Hồ Minh	Mẫn	D22_TH09	6.57	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
329	DH52201048	Nguyễn Tuấn	Mạnh	D22_TH09	6.78	138	61	3	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
330	DH52201052	Hồ Sỹ	Minh	D22_TH09	6.48	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
331	DH52201127	Trương Nhã	Nguyên	D22_TH09	7.72	148	67	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
332	DH52201131	Phạm Phong	Nhã	D22_TH09	6.66	133	59	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
333	DH52201368	Lý Quốc	Sơn	D22_TH09	6.86	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
334	DH52201371	Nguyễn Hùng Thanh	Sơn	D22_TH09	8.01	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
335	DH52201381	Lê Nhân	Tài	D22_TH09	5.89	132	58	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
336	DH52201386	Nguyễn Đức	Tài	D22_TH09	6.48	134	60	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
337	DH52201397	Võ Văn	Tài	D22_TH09	7.23	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
338	DH52201413	Đặng Mạnh	Tấn	D22_TH09	7.19	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
339	DH52201438	Nguyễn Quang	Thắng	D22_TH09	7.38	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
340	DH52201470	Võ Thị Xuân	Thao	D22_TH09	7.18	136	60	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
341	DH52201474	Nguyễn ái Phương	Tháo	D22_TH09	6.38	135	59	6	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
342	DH52201488	Trần Quang	Thiện	D22_TH09	7.30	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
343	DH52201565	Bùi Tấn	Tín	D22_TH09	7.13	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
344	DH52201740	Nguyễn Minh	Tuyển	D22_TH09	6.16	132	61	9	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
345	DH52201743	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	D22_TH09	6.90	134	61	9	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
346	DH52200399	Vũ Thanh	Bình	D22_TH10	6.74	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
347	DH52200450	Lâm Công	Danh	D22_TH10	8.06	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
348	DH52200549	Nguyễn Thái	Dương	D22_TH10	7.11	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
349	DH52200580	Nguyễn Việt	Duy	D22_TH10	7.64	139	63	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
350	DH52200642	Trần Mạnh	Hào	D22_TH10	6.82	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
351	DH52200647	Nguyễn Nhật	Hạo	D22_TH10	7.72	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
352	DH52200667	Nguyễn Hoàng	Hiệp	D22_TH10	7.03	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
353	DH52200755	Huỳnh Lê Thu	Hương	D22_TH10	6.55	133	59	8	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
354	DH52200771	Lê Thanh	Huy	D22_TH10	7.09	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
355	DH52200910	Nguyễn Đăng	Khoa	D22_TH10	6.64	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
356	DH52201112	Đoàn Lê Hoàng	Nguyên	D22_TH10	7.65	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
357	DH52201154	Nguyễn Xuân Long	Nhật	D22_TH10	7.04	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
358	DH52201163	Nguyễn Thị Hồng	Nhu	D22_TH10	8.67	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
359	DH52201204	Đỗ Thanh	Phong	D22_TH10	7.45	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
360	DH52201230	Lâm Hoàng	Phúc	D22_TH10	6.81	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
361	DH52201273	Đinh Thị Thu	Phương	D22_TH10	6.78	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
362	DH52201328	Hồ Phú	Quý	D22_TH10	7.45	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
363	DH52201333	Phạm Thiên Phú	Quý	D22_TH10	7.11	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
364	DH52201375	Phan Minh	Sơn	D22_TH10	6.45	133	59	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
365	DH52201479	Đặng Trường	Thi	D22_TH10	6.54	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
366	DH52201535	Nguyễn Thành	Thuận	D22_TH10	6.99	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
367	DH52201596	Văn Khắc Hải	Toàn	D22_TH10	6.82	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
368	DH52201618	Lê Hoàng Minh	Trí	D22_TH10	6.38	134	60	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
369	DH52201683	Nguyễn Văn	Trường	D22_TH10	7.44	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
370	DH52201722	Từ Quốc	Tuấn	D22_TH10	7.00	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
371	DH52201727	Trần Thiên	Tuệ	D22_TH10	6.98	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
372	DH52201777	Nguyễn Trường	Vũ	D22_TH10	7.31	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
373	DH52201779	Cao Thị Thanh	Vương	D22_TH10	6.24	135	60	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
374	DH52201787	Trần Võ Thúy	Vy	D22_TH10	6.83	132	59	9	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
375	DH52201788	Trương Nguyễn Tường	Vy	D22_TH10	6.70	134	60	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
376	DH52200372	Nguyễn Trần Tuấn	Bảo	D22_TH11	7.04	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
377	DH52200374	Phan Trần Thái	Bảo	D22_TH11	8.56	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
378	DH52200404	Lâm Bảo	Châu	D22_TH11	7.05	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
379	DH52200465	Hoàng Quốc	Đạt	D22_TH11	7.06	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
380	DH52200511	Phạm Hữu	Đời	D22_TH11	7.77	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
381	DH52200537	Nguyễn Tiến	Dũng	D22_TH11	7.01	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
382	DH52200666	Lâm Đức	Hiệp	D22_TH11	7.52	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
383	DH52200677	Huỳnh Trung	Hiếu	D22_TH11	6.75	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
384	DH52200740	Nguyễn Tấn	Hung	D22_TH11	7.05	143	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
385	DH52200760	Cao Chí	Huy	D22_TH11	6.73	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
386	DH52200778	Nguyễn Gia	Huy	D22_TH11	6.94	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
387	DH52200779	Nguyễn Hoàng Quốc	Huy	D22_TH11	6.22	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
388	DH52200933	Phan Nguyễn An	Khuong	D22_TH11	7.94	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
389	DH52200957	Trần Anh	Kiệt	D22_TH11	7.45	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
390	DH52201028	Trần Bảo	Long	D22_TH11	8.01	139	61	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
391	DH52201069	Khuong Thị Trúc	My	D22_TH11	6.24	135	60	9	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
392	DH52201119	Nguyễn Anh	Nguyên	D22_TH11	6.56	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
393	DH52201120	Nguyễn Thanh	Nguyên	D22_TH11	6.40	136	60	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
394	DH52201147	Văng Phước	Nhân	D22_TH11	6.32	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
395	DH52201211	Nguyễn Trần Nam	Phong	D22_TH11	7.43	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
396	DH52201244	Nguyễn Hoàng Trọng	Phúc	D22_TH11	7.14	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
397	DH52201336	Trương Đàm Công	Quý	D22_TH11	6.46	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
398	DH52201352	Nguyễn Hoàng Duy	San	D22_TH11	7.88	144	65	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
399	DH52201416	Tạ Thanh	Tấn	D22_TH11	6.53	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
400	DH52201503	Nguyễn Phú	Thịnh	D22_TH11	7.29	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
401	DH52201520	Từ Công	Thú	D22_TH11	6.39	135	59	6	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
402	DH52201572	Nguyễn Phúc Thiên	Tinh	D22_TH11	7.74	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
403	DH52201575	Nguyễn Trí	Tính	D22_TH11	6.73	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
404	DH52201604	Phạm Lê Huyền	Trần	D22_TH11	7.13	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
405	DH52201654	Nguyễn Thị	Trọng	D22_TH11	7.00	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
406	DH52201684	Nguyễn Xuân	Trường	D22_TH11	7.70	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
407	DH52201771	Lê Minh	Vũ	D22_TH11	6.94	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
408	DH52200299	Lương Minh Khánh	An	D22_TH12	7.31	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
409	DH52200413	Nguyễn Hữu	Chương	D22_TH12	6.65	139	62	4	1	1	2	Đạt	X				2022-2026	
410	DH52200495	Trần Nguyễn	Đạt	D22_TH12	7.36	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
411	DH52200565	Nguyễn Bảo	Duy	D22_TH12	7.13	133	59	8	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
412	DH52200620	Trần Đức	Hải	D22_TH12	7.22	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
413	DH52200720	Trần Huy	Hoàng	D22_TH12	7.07	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
414	DH52200768	Lê Hoàng	Huy	D22_TH12	6.60	132	60	9	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
415	DH52201043	Trần Thị Trúc	Ly	D22_TH12	6.92	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
416	DH52201108	Lò Bảo	Ngọc	D22_TH12	6.77	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
417	DH52201133	Đào Thành	Nhân	D22_TH12	7.50	132	58	9	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
418	DH52201153	Nguyễn Minh	Nhật	D22_TH12	6.46	132	61	9	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
419	DH52201157	Lương Tuệ	Nhi	D22_TH12	6.82	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
420	DH52201186	Nguyễn Gia	Phát	D22_TH12	6.38	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
421	DH52201255	Trần Hoài	Phúc	D22_TH12	7.17	140	62	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
422	DH52201436	Lương Văn	Thắng	D22_TH12	7.06	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
423	DH52201454	Dương Nhật	Thành	D22_TH12	7.44	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
424	DH52201476	Trần Văn	Thật	D22_TH12	7.38	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
425	DH52201504	Nguyễn Tuấn	Thịnh	D22_TH12	7.01	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
426	DH52201543	Nguyễn Phi	Thường	D22_TH12	7.88	139	61	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
427	DH52201546	Đặng Thị	Thùy	D22_TH12	7.18	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
428	DH52201586	Đào Đức	Toàn	D22_TH12	6.58	135	61	6	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
429	DH52201630	Nguyễn Minh	Trí	D22_TH12	6.09	132	60	9	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
430	DH52201765	Trần Phương	Vinh	D22_TH12	6.63	132	57	9	6	0	6	Đạt	X				2022-2026	
431	DH52201786	Trần Thị Yến	Vy	D22_TH12	7.67	140	63	1	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
432	DH52200327	Nguyễn Hà Tuấn	Anh	D22_TH13	7.13	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
433	DH52200341	Trần Tuấn	Anh	D22_TH13	6.48	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
434	DH52200384	Trần Chánh	Biện	D22_TH13	7.33	139	62	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
435	DH52200414	Nguyễn Thế	Chương	D22_TH13	6.50	136	60	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
436	DH52200521	Lê Thành	Đức	D22_TH13	7.06	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
437	DH52200541	Trương Hùng	Dũng	D22_TH13	7.02	138	61	3	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
438	DH52200548	Nguyễn Hoàng	Dương	D22_TH13	7.58	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
439	DH52200560	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D22_TH13	6.87	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
440	DH52200775	Mê Thái	Huy	D22_TH13	8.45	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
441	DH52200813	Võ Thanh	Huy	D22_TH13	7.44	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
442	DH52200842	Nguyễn Hữu	Khang	D22_TH13	7.09	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
443	DH52200867	Đậu Quốc	Khánh	D22_TH13	6.64	139	62	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
444	DH52200870	Lê Minh	Khánh	D22_TH13	6.36	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
445	DH52201040	Nguyễn Hoàng	Lực	D22_TH13	6.26	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
446	DH52201272	Đặng Quang	Phương	D22_TH13	8.56	139	62	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
447	DH52201305	Nguyễn Đức	Quang	D22_TH13	6.94	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
448	DH52201440	Trần Anh	Thắng	D22_TH13	6.70	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
449	DH52201517	Võ Minh	Thông	D22_TH13	7.63	139	62	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
450	DH52201561	Trần	Tiến	D22_TH13	6.82	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
451	DH52201671	Nguyễn Thành	Trung	D22_TH13	7.51	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
452	DH52201766	Trần Quang	Vinh	D22_TH13	6.35	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
453	DH52201781	Lê Hùng	Vương	D22_TH13	6.65	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
454	DH52201797	Trần Thị Kim	Yến	D22_TH13	8.40	139	62	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
455	DH52200368	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	D22_TH14	7.87	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
456	DH52200599	Lương Thị Mỹ	Giang	D22_TH14	7.09	132	58	9	6	0	6	Đạt	X				2022-2026	
457	DH52200623	Nguyễn Gia	Hân	D22_TH14	7.22	134	60	7	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
458	DH52200656	Thái Văn	Hậu	D22_TH14	6.44	138	62	3	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
459	DH52200715	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH14	7.29	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
460	DH52200905	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	D22_TH14	6.65	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
461	DH52200954	Phạm Tuấn	Kiệt	D22_TH14	6.84	133	59	8	5	0	5	Đạt	X				2022-2026	
462	DH52200992	Chu Văn	Lộc	D22_TH14	7.16	133	59	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
463	DH52201016	Dương Thành	Long	D22_TH14	7.04	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
464	DH52201055	Lê Quang	Minh	D22_TH14	7.67	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
465	DH52201116	Lê Công	Nguyễn	D22_TH14	6.32	135	60	6	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
466	DH52201190	Nguyễn Thanh	Phát	D22_TH14	6.94	137	61	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
467	DH52201226	Đặng Hải Hoàng	Phúc	D22_TH14	6.51	133	60	8	4	0	4	Đạt	X				2022-2026	
468	DH52201277	Nguyễn Đình	Phương	D22_TH14	8.03	138	62	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
469	DH52201389	Nguyễn Thành	Tài	D22_TH14	6.95	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
470	DH52201573	Phạm Lê Hường	Tinh	D22_TH14	6.83	138	61	2	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
471	DH52201621	Lê Quốc	Trí	D22_TH14	7.72	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
472	DH52201698	Nguyễn Thanh	Tú	D22_TH14	7.11	141	63	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
473	DH52201770	Huỳnh Anh	Vũ	D22_TH14	6.92	136	60	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
474	DH52200316	Đào Trịnh	Ân	D22_TH15	6.98	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
475	DH52200486	Nguyễn Tiến	Đạt	D22_TH15	7.16	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
476	DH52200487	Nguyễn Tiến	Đạt	D22_TH15	6.83	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
477	DH52200507	Trương Ngọc	Đình	D22_TH15	7.18	139	63	2	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
478	DH52200530	Đặng Tiến	Dũng	D22_TH15	7.50	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
479	DH52200581	Nguyễn Võ Anh	Duy	D22_TH15	8.33	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
480	DH52200731	Nguyễn Duy	Hùng	D22_TH15	7.03	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
481	DH52200887	Trần Quốc	Khánh	D22_TH15	6.99	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
482	DH52200935	Bùi Hoàng	Kiên	D22_TH15	7.45	134	61	7	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
483	DH52201041	Vũ Tấn	Lực	D22_TH15	7.21	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
484	DH52201105	Đình Dương Yến	Ngọc	D22_TH15	7.17	136	61	5	3	0	3	Đạt	X				2022-2026	
485	DH52201232	Lê Đỗ Duy	Phúc	D22_TH15	7.09	137	62	4	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
486	DH52203917	Trang Mạnh	Phúc	D22_TH15	7.97	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
487	DH52201264	Hồ Khôi	Phục	D22_TH15	7.45	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
488	DH52201286	Lê Hữu Minh	Quân	D22_TH15	6.90	138	63	3	1	0	1	Đạt	X				2022-2026	
489	DH52201482	Võ Anh	Thiên	D22_TH15	6.87	141	64	0	0	0	0	Đạt	X				2022-2026	
490	DH52201692	Võ Hoàng	Trường	D22_TH15	6.78	135	62	6	2	0	2	Đạt	X				2022-2026	
Nhóm 02 Sinh viên chưa đủ điều kiện thực hiện BTTN cuối khóa																		
1	DH51900909	Nguyễn Đức	Tâm	D19_TH01	5.10	107	50	49	20	0	20	Không đạt					2019-2023	
2	DH51903753	Lại Duy	Kha	D19_TH06	5.73	129	58	25	10	0	10	Không đạt					2019-2023	
3	DH52002179	Trần Gia	Bảo	D20_TH01	5.99	141	60	10	7	0	7	Không đạt					2020-2024	
4	DH52001986	Tổng Thành	Đạt	D20_TH01	5.09	85	40	66	26	1	27	Không đạt					2020-2024	
5	DH52002144	Đặng Vinh	Kiên	D20_TH01	5.88	122	56	29	12	0	12	Không đạt					2020-2024	
6	DH52001645	Trần Tấn	Lộc	D20_TH01	5.28	99	48	52	20	0	20	Không đạt					2020-2024	
7	DH52001037	Lê Trung	Nam	D20_TH01	5.90	142	64	11	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
8	DH52001133	Trương Công	Vui	D20_TH01	6.10	140	64	11	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
9	DH52002785	Nguyễn Thị Hồng	Yên	D20_TH01	5.99	128	58	23	10	0	10	Không đạt					2020-2024	
10	DH52003191	Vũ Khải	Hoàn	D20_TH02	5.78	118	54	33	14	0	14	Không đạt					2020-2024	
11	DH52001341	Nguyễn Quốc	Huy	D20_TH02	5.54	133	59	18	9	0	9	Không đạt					2020-2024	
12	DH52000689	Sử Duy	Khánh	D20_TH02	5.67	139	61	12	7	0	7	Không đạt					2020-2024	
13	DH52000780	Lâm Huỳnh Khánh	Minh	D20_TH02	5.44	116	52	35	16	0	16	Không đạt					2020-2024	
14	DH52001486	Đào Minh	Nhật	D20_TH02	5.66	117	54	34	14	0	14	Không đạt					2020-2024	
15	DH52003521	Huỳnh Minh	Quy	D20_TH02	5.06	100	46	51	21	1	22	Không đạt					2020-2024	
16	DH52003364	Nguyễn Trinh Duy	Tân	D20_TH02	5.03	105	46	46	22	0	22	Không đạt					2020-2024	

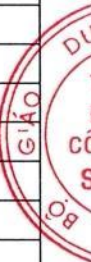
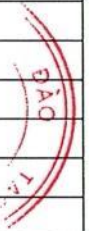
STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
17	DH52002390	Nguyễn Hoàng Xuân	Thiện	D20_TH02	6.06	137	62	14	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
18	DH52001630	Nguyễn Ngọc	Thiện	D20_TH02	6.19	141	64	10	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
19	DH52002062	Phan Thanh	Thúy	D20_TH02	6.07	141	63	10	5	0	5	Không đạt					2020-2024	
20	DH52003232	Ngô Xuân	Tuy	D20_TH02	5.57	110	50	41	17	1	18	Không đạt					2020-2024	
21	DH52001340	Phạm Trọng	Việt	D20_TH02	5.48	120	56	31	11	1	12	Không đạt					2020-2024	
22	DH52003771	Nguyễn Lê	Huy	D20_TH03	6.26	137	61	14	7	0	7	Không đạt					2020-2024	
23	DH52001142	Nguyễn Phan Bảo	Huy	D20_TH03	4.27	76	34	77	34	1	35	Không đạt					2020-2024	
24	DH52001091	Đoàn Minh	Khang	D20_TH03	5.87	134	61	20	8	0	8	Không đạt					2020-2024	
25	DH52002787	Hoàng	Khang	D20_TH03	6.07	137	61	14	7	0	7	Không đạt					2020-2024	
26	DH52001329	Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH03	5.05	85	39	66	29	0	29	Không đạt					2020-2024	
27	DH52000389	Nguyễn Võ Ngọc	Khang	D20_TH03	4.40	84	36	67	30	1	31	Không đạt					2020-2024	
28	DH52003250	Nguyễn Sơn Đăng	Khoa	D20_TH03	4.39	90	42	61	26	0	26	Không đạt					2020-2024	
29	DH52003883	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	D20_TH03	3.97	81	38	70	30	0	30	Không đạt					2020-2024	
30	DH52003701	Trần Minh	Nhân	D20_TH03	5.38	124	57	27	11	0	11	Không đạt					2020-2024	
31	DH52002933	Nguyễn Gia	Quốc	D20_TH03	4.03	55	24	98	41	3	44	Không đạt					2020-2024	
32	DH52001455	Trần Thanh	Tấn	D20_TH03	4.84	91	43	60	25	0	25	Không đạt					2020-2024	
33	DH52001226	Nguyễn Ngô Thanh	Thảo	D20_TH03	5.81	125	55	26	13	0	13	Không đạt					2020-2024	
34	DH52000660	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D20_TH03	5.74	138	62	13	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
35	DH52000293	Hồ Văn	Tiến	D20_TH03	5.83	121	57	30	11	0	11	Không đạt					2020-2024	
36	DH52002582	Phạm Nguyễn Thành	Trong	D20_TH03	5.03	104	46	47	22	0	22	Không đạt					2020-2024	
37	DH52003253	Lê Tuấn	Cường	D20_TH04	4.90	104	46	47	21	1	22	Không đạt					2020-2024	
38	DH52002606	Nguyễn Khuất Anh	Duy	D20_TH04	5.93	132	58	19	10	0	10	Không đạt					2020-2024	
39	DH52003485	Nguyễn Anh	Hòa	D20_TH04	4.09	57	25	90	38	3	41	Không đạt					2020-2024	
40	DH52003583	Bùi Thành	Nhân	D20_TH04	6.28	135	62	16	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
41	DH52003399	Nguyễn Trí	Nhân	D20_TH04	3.31	57	26	96	40	2	42	Không đạt					2020-2024	
42	DH52003159	Lạc Minh	Phương	D20_TH04	5.28	112	52	39	16	0	16	Không đạt					2020-2024	
43	DH52002990	Nguyễn Xuân	Quốc	D20_TH04	4.04	72	32	82	36	2	38	Không đạt					2020-2024	
44	DH52003405	Trần Trung	Trực	D20_TH04	3.52	55	24	96	41	3	44	Không đạt					2020-2024	
45	DH52003268	Nguyễn Thanh	Tuấn	D20_TH04	3.25	57	26	96	39	3	42	Không đạt					2020-2024	
46	DH52001615	Nguyễn Quốc	Yên	D20_TH04	6.33	142	65	12	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
47	DH52001153	Lê Quốc	Anh	D20_TH05	2.95	41	19	114	47	3	50	Không đạt					2020-2024	
48	DH52003743	Phạm Văn Thành	Đạt	D20_TH05	5.76	134	59	17	8	0	8	Không đạt					2020-2024	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học		Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp					
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án			Tổng	TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
49	DH52003741	Lý Gia	Hân	D20_TH05	4.64	107	47	46	20	1	21	Không đạt					2020-2024	
50	DH52003552	Nguyễn Trung	Nghĩa	D20_TH05	3.54	52	23	95	40	3	43	Không đạt					2020-2024	
51	DH52003830	Lê Thành	Nhân	D20_TH05	3.51	46	24	105	41	2	43	Không đạt					2020-2024	
52	DH52003593	Vũ Anh	Quân	D20_TH05	3.47	40	19	115	47	3	50	Không đạt					2020-2024	
53	DH52003600	Trần Nhật	Tiến	D20_TH05	3.21	45	22	110	44	3	47	Không đạt					2020-2024	
54	DH52000747	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D20_TH05	5.83	137	61	14	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
55	DH52004120	Hỷ Văn	Đạt	D20_TH06	5.85	140	63	11	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
56	DH52004553	Nguyễn An	Đình	D20_TH06	3.97	72	31	79	34	2	36	Không đạt					2020-2024	
57	DH52004038	Đào Chiêu	Linh	D20_TH06	3.57	71	32	82	34	2	36	Không đạt					2020-2024	
58	DH52004280	Mai Ngọc Phương	Linh	D20_TH06	5.58	115	50	36	17	0	17	Không đạt					2020-2024	
59	DH52004034	Trương Thiện	Nhân	D20_TH06	4.35	76	36	75	29	2	31	Không đạt					2020-2024	
60	DH52001512	Phạm Minh	Phú	D20_TH06	4.59	92	42	61	26	0	26	Không đạt					2020-2024	
61	DH52004127	Vũ Ngọc	Quảng	D20_TH06	4.42	70	32	81	35	0	35	Không đạt					2020-2024	
62	DH52004336	Mai Hoàng	Quý	D20_TH06	5.10	103	46	48	20	1	21	Không đạt					2020-2024	
63	DH52001514	Phạm Minh	Quý	D20_TH06	4.39	89	40	62	25	2	27	Không đạt					2020-2024	
64	DH52004121	Phạm Trung	Thắng	D20_TH06	4.57	74	35	79	32	2	34	Không đạt					2020-2024	
65	DH52004980	Hoàng Nguyễn Minh	Thiện	D20_TH06	6.17	139	62	12	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
66	DH52004043	Nguyễn Bảo	Toàn	D20_TH06	5.17	126	54	25	12	1	13	Không đạt					2020-2024	
67	DH52005027	Nguyễn Hữu	Trọng	D20_TH06	3.82	66	30	86	36	3	39	Không đạt					2020-2024	
68	DH52004495	Nguyễn Quốc	Bảo	D20_TH07	5.94	140	62	11	3	2	5	Không đạt					2020-2024	
69	DH52004683	Phan Thành	Đạt	D20_TH07	5.78	136	62	15	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
70	DH52004819	Lý Thế	Hào	D20_TH07	5.36	118	54	33	13	0	13	Không đạt					2020-2024	
71	DH52004492	Đặng Thanh	Hiền	D20_TH07	2.05	31	13	122	52	3	55	Không đạt					2020-2024	
72	DH52004140	Huỳnh Tấn	Kha	D20_TH07	3.64	80	36	72	30	3	33	Không đạt					2020-2024	
73	DH52004915	Dương Quang	Khải	D20_TH07	2.40	44	20	109	45	3	48	Không đạt					2020-2024	
74	DH52004596	Vô Lê	Khang	D20_TH07	6.17	139	64	12	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
75	DH52004741	Lê Duy	Khánh	D20_TH07	5.74	136	60	17	8	0	8	Không đạt					2020-2024	
76	DH52005922	Trương Thành	Lập	D20_TH07	4.99	105	47	46	19	1	20	Không đạt					2020-2024	
77	DH52005932	Đỗ Hoàng	Long	D20_TH07	4.27	68	32	84	37	0	37	Không đạt					2020-2024	
78	DH52005948	Đỗ Văn	Minh	D20_TH07	6.07	136	62	15	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
79	DH52005975	Lê Vinh	Nghĩa	D20_TH07	5.68	134	60	17	8	0	8	Không đạt					2020-2024	
80	DH52004460	Trần Nguyễn Thảo	Nguyễn	D20_TH07	4.49	91	42	62	25	1	26	Không đạt					2020-2024	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
81	DH52004489	Nguyễn Hồng	Thiên	D20_TH07	5.59	138	61	13	6	0	6	Không đạt				2020-2024		
82	DH52004086	Hoàng Cẩm	Tú	D20_TH07	5.43	110	49	41	18	0	18	Không đạt				2020-2024		
83	DH52004760	Vũ Nguyễn Anh	Tuấn	D20_TH07	5.47	117	53	34	15	0	15	Không đạt				2020-2024		
84	DH52004458	Phó Tấn	Vinh	D20_TH07	5.75	134	61	17	6	0	6	Không đạt				2020-2024		
85	DH52005749	Huỳnh Hữu	Đạt	D20_TH08	5.78	117	52	34	15	0	15	Không đạt				2020-2024		
86	DH52007203	Phạm Trung	Hiệp	D20_TH08	5.93	140	64	11	4	0	4	Không đạt				2020-2024		
87	DH52005044	Đào Tuấn	Kiệt	D20_TH08	3.63	63	27	84	37	2	39	Không đạt				2020-2024		
88	DH52005872	Lợi Siêu	Kiệt	D20_TH08	4.79	77	37	74	28	2	30	Không đạt				2020-2024		
89	DH52005875	Trần Phú	Kiệt	D20_TH08	5.88	133	60	18	7	0	7	Không đạt				2020-2024		
90	DH52005879	Lưu Ngọc	Kỹ	D20_TH08	6.03	140	63	11	4	0	4	Không đạt				2020-2024		
91	DH52005031	Chu Bình	Phong	D20_TH08	6.34	129	59	22	9	0	9	Không đạt				2020-2024		
92	DH52006049	Nguyễn Hoàng	Quân	D20_TH08	5.60	105	50	46	17	0	17	Không đạt				2020-2024		
93	DH52006041	Đào Đức	Quang	D20_TH08	5.69	126	57	25	10	0	10	Không đạt				2020-2024		
94	DH52004838	Võ Hồng	Quang	D20_TH08	5.01	95	44	56	23	1	24	Không đạt				2020-2024		
95	DH52006087	Lê Đức Anh	Tài	D20_TH08	4.01	75	36	76	29	2	31	Không đạt				2020-2024		
96	DH52007366	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	D20_TH08	6.01	138	62	13	5	0	5	Không đạt				2020-2024		
97	DH52005704	Huỳnh Ngọc Kim	Chi	D20_TH09	6.09	132	58	19	9	0	9	Không đạt				2020-2024		
98	DH52005705	Lư Thừa	Chí	D20_TH09	4.04	79	34	74	31	3	34	Không đạt				2020-2024		
99	DH52005696	Dương Tăng	Cường	D20_TH09	4.32	81	38	70	28	1	29	Không đạt				2020-2024		
100	DH52005714	Nguyễn Anh	Dũng	D20_TH09	5.63	124	56	27	12	0	12	Không đạt				2020-2024		
101	DH52005737	Đoàn Nguyễn Nam	Dương	D20_TH09	4.62	91	40	60	25	2	27	Không đạt				2020-2024		
102	DH52005734	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D20_TH09	6.08	134	60	17	7	0	7	Không đạt				2020-2024		
103	DH52005827	Nguyễn Văn	Hoàng	D20_TH09	5.51	111	50	42	17	1	18	Không đạt				2020-2024		
104	DH52005055	Nguyễn Phú Minh	Minh	D20_TH09	5.42	93	42	58	26	0	26	Không đạt				2020-2024		
105	DH52005030	Lê Thanh	Nam	D20_TH09	5.88	125	56	26	12	0	12	Không đạt				2020-2024		
106	DH52006017	Nguyễn Ngọc	Phi	D20_TH09	5.40	102	47	50	22	0	22	Không đạt				2020-2024		
107	DH52006105	Võ Đặng Phúc	Tấn	D20_TH09	6.04	128	58	23	9	0	9	Không đạt				2020-2024		
108	DH52007181	Châu Thị Thu	Thảo	D20_TH09	5.03	116	51	37	17	0	17	Không đạt				2020-2024		
109	DH52006178	Trần Ngọc	Thế	D20_TH09	5.49	109	48	42	18	1	19	Không đạt				2020-2024		
110	DH52006221	Ngô Đình	Triều	D20_TH09	3.48	54	26	97	38	3	41	Không đạt				2020-2024		
111	DH52006228	Nguyễn Thành	Trung	D20_TH09	4.00	64	29	87	36	3	39	Không đạt				2020-2024		
112	DH52005666	Phan Văn	An	D20_TH10	5.69	126	55	25	10	2	12	Không đạt				2020-2024		

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
113	DH52005754	Vũ Cao	Đạt	D20_TH10	3.79	50	22	103	43	3	46	Không đạt					2020-2024	
114	DH52007214	Thân Hoàng Minh	Hiếu	D20_TH10	6.19	140	63	11	5	0	5	Không đạt					2020-2024	
115	DH52005938	Nguyễn Tấn	Lộc	D20_TH10	3.63	59	28	92	39	1	40	Không đạt					2020-2024	
116	DH52006000	Nguyễn Minh	Nhật	D20_TH10	5.35	111	49	40	16	2	18	Không đạt					2020-2024	
117	DH52006025	Trần Gia	Phong	D20_TH10	3.63	64	28	87	36	3	39	Không đạt					2020-2024	
118	DH52006032	Nguyễn Minh	Phúc	D20_TH10	5.81	135	59	16	8	1	9	Không đạt					2020-2024	
119	DH52006081	Phạm Hữu Trường	Sơn	D20_TH10	4.78	103	49	48	19	0	19	Không đạt					2020-2024	
120	DH52006082	Trương Phan Ngọc	Sơn	D20_TH10	5.37	102	46	46	18	2	20	Không đạt					2020-2024	
121	DH52006101	Nguyễn Đức	Tân	D20_TH10	6.14	138	64	13	4	0	4	Không đạt					2020-2024	
122	DH52006193	Trần Đàm	Thoại	D20_TH10	5.87	131	61	20	7	0	7	Không đạt					2020-2024	
123	DH52006233	Võ Nhật	Trường	D20_TH10	4.65	95	45	56	22	0	22	Không đạt					2020-2024	
124	DH52006257	Phạm Anh	Vũ	D20_TH10	3.21	65	29	86	37	2	39	Không đạt					2020-2024	
125	DH52005756	Nguyễn Hải	Đăng	D20_TH11	6.19	139	62	12	5	0	5	Không đạt					2020-2024	
126	DH52006878	Trương Khánh	Duy	D20_TH11	4.32	72	33	81	33	2	35	Không đạt					2020-2024	
127	DH52007035	Trần Hạo	Hân	D20_TH11	4.42	86	39	65	27	1	28	Không đạt					2020-2024	
128	DH52006576	Nguyễn Trọng	Hiền	D20_TH11	6.32	133	58	18	9	0	9	Không đạt					2020-2024	
129	DH52006924	Trần Minh	Hiếu	D20_TH11	5.18	95	44	60	25	0	25	Không đạt					2020-2024	
130	DH52007068	Lý Quốc	Huy	D20_TH11	5.44	109	49	42	17	1	18	Không đạt					2020-2024	
131	DH52006632	Nguyễn Gia	Huy	D20_TH11	3.84	71	29	80	36	2	38	Không đạt					2020-2024	
132	DH52007055	Đăng Ngọc	Long	D20_TH11	5.68	130	57	21	10	0	10	Không đạt					2020-2024	
133	DH52007299	Bùi Trần Đông	Nam	D20_TH11	5.23	98	46	53	21	1	22	Không đạt					2020-2024	
134	DH52007024	Đỗ Trần Hải	Sơn	D20_TH11	5.09	95	44	56	22	1	23	Không đạt					2020-2024	
135	DH52007002	Nguyễn Phước	Thịnh	D20_TH11	3.39	38	21	113	44	3	47	Không đạt					2020-2024	
136	DH52006931	Nguyễn Bùi Nhật	ý	D20_TH11	6.00	138	62	13	6	0	6	Không đạt					2020-2024	
137	DH52104274	Hoàng Trung Việt	Anh	D21_TH01	4.61	52	27	99	38	3	41	Không đạt					2021-2025	
138	DH52100449	Nguyễn Trần Gia	Bảo	D21_TH01	6.42	138	62	13	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
139	DH52102778	Phạm Ngọc Gia	Bảo	D21_TH01	5.79	121	56	30	11	1	12	Không đạt					2021-2025	
140	DH52102314	Tổng Thanh	Bình	D21_TH01	5.80	130	59	21	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
141	DH52001026	Phạm Chí	Công	D21_TH01	4.98	92	42	59	23	2	25	Không đạt					2021-2025	
142	DH52107115	Nguyễn Thành	Đạt	D21_TH01	5.46	107	48	44	18	1	19	Không đạt					2021-2025	
143	DH52009028	Phạm Tuấn	Đạt	D21_TH01	6.01	134	61	17	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
144	DH52104319	Lê Văn	Điều	D21_TH01	5.20	91	44	60	23	1	24	Không đạt					2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học		Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp					
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án			Tổng	TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
145	DH52105686	Lâm Hoàng	Đức	D21_TH01	3.79	56	25	95	39	3	42	Không đạt					2021-2025	
146	DH52103503	Nguyễn Phạm Duy	Hải	D21_TH01	5.85	129	59	22	9	0	9	Không đạt					2021-2025	
147	DH52105054	Đặng Anh	Hào	D21_TH01	3.55	35	18	117	48	3	51	Không đạt					2021-2025	
148	DH52106656	Võ Nguyễn Quốc	Huy	D21_TH01	3.67	50	24	101	40	3	43	Không đạt					2021-2025	
149	DH52000599	Lê Trần Đình	Khang	D21_TH01	4.96	99	44	52	23	1	24	Không đạt					2021-2025	
150	DH52101018	Ôn Chung	Kiên	D21_TH01	4.65	68	32	83	34	2	36	Không đạt					2021-2025	
151	DH52101498	Phạm Hoàng	Lịch	D21_TH01	6.08	130	60	21	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
152	DH52003606	Hồ Lê Đại	Lượng	D21_TH01	2.57	38	19	115	46	3	49	Không đạt					2021-2025	
153	DH52101246	Nguyễn Anh	Minh	D21_TH01	5.14	95	43	56	22	2	24	Không đạt					2021-2025	
154	DH52104132	Phan Thành	Nam	D21_TH01	5.81	139	63	12	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
155	DH52003421	Nguyễn Hữu	Ngân	D21_TH01	4.82	83	36	68	31	1	32	Không đạt					2021-2025	
156	DH52100282	Nguyễn Trần Thanh	Nhân	D21_TH01	3.50	59	27	92	40	1	41	Không đạt					2021-2025	
157	DH52004487	Huỳnh Lê Tấn	Phát	D21_TH01	3.19	53	25	100	43	1	44	Không đạt					2021-2025	
158	DH52103544	Nguyễn Đức	Phong	D21_TH01	6.11	134	62	17	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
159	DH52103679	Lê Hoàng	Phúc	D21_TH01	5.95	128	58	23	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
160	DH52100002	Trịnh Tiến	Phúc	D21_TH01	5.78	133	61	18	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
161	DH52105381	Trần Huỳnh Tuấn	Phương	D21_TH01	5.93	131	60	20	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
162	DH52100945	Trần Quốc	Quy	D21_TH01	5.91	118	54	33	12	2	14	Không đạt					2021-2025	
163	DH52101532	Nghiêm Siêu Quốc	Quyền	D21_TH01	6.23	139	62	12	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
164	DH52100715	Phạm Minh	Sang	D21_TH01	6.18	130	60	21	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
165	DH52107207	Lê Đức	Tâm	D21_TH01	5.56	122	55	29	12	0	12	Không đạt					2021-2025	
166	DH52103378	Mai Thiện	Thành	D21_TH01	5.21	107	49	44	19	0	19	Không đạt					2021-2025	
167	DH52105095	Nguyễn Cảnh	Thịnh	D21_TH01	4.68	100	48	51	20	0	20	Không đạt					2021-2025	
168	DH52106235	Nguyễn Thành	Thông	D21_TH01	6.05	134	60	17	6	1	7	Không đạt					2021-2025	
169	DH52100136	Khâu Minh	Thư	D21_TH01	5.96	121	54	30	13	0	13	Không đạt					2021-2025	
170	DH52100524	Hàng Gia	Thuận	D21_TH01	4.79	79	37	72	29	2	31	Không đạt					2021-2025	
171	DH52102853	Dương Lê	Văn	D21_TH01	6.66	137	61	14	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
172	DH52104952	Lê Anh	Vũ	D21_TH01	5.58	109	51	42	16	0	16	Không đạt					2021-2025	
173	DH52100015	Hoàng Văn	Đức	D21_TH02	6.24	131	61	20	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
174	DH52101464	Giang Nhật	Duy	D21_TH02	2.89	46	21	105	44	3	47	Không đạt					2021-2025	
175	DH52107527	Võ Trường	Giang	D21_TH02	5.26	106	48	45	20	0	20	Không đạt					2021-2025	
176	DH52103781	Nguyễn Nhật	Hào	D21_TH02	5.93	137	61	14	7	0	7	Không đạt					2021-2025	

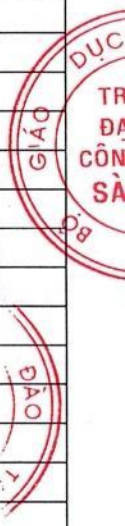


STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
177	DH52106128	Đỗ Trung	Hiếu	D21_TH02	4.36	65	29	88	37	3	40	Không đạt					2021-2025	
178	DH52101717	Lê Minh	Hiếu	D21_TH02	5.72	123	56	29	13	0	13	Không đạt					2021-2025	
179	DH52106504	Phan Chí	Hiếu	D21_TH02	3.68	54	24	97	40	3	43	Không đạt					2021-2025	
180	DH52104569	Nguyễn Trọng	Khiêm	D21_TH02	5.44	122	54	29	14	0	14	Không đạt					2021-2025	
181	DH52101466	Nguyễn Hoài	Nam	D21_TH02	3.29	53	24	98	42	2	44	Không đạt					2021-2025	
182	DH52106256	Lê Thanh	Nguyễn	D21_TH02	6.10	138	63	13	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
183	DH52107512	Võ Thị Hồng	Nhi	D21_TH02	4.45	68	30	83	36	2	38	Không đạt					2021-2025	
184	DH52106284	Châu Vinh	Phong	D21_TH02	5.46	105	50	46	18	0	18	Không đạt					2021-2025	
185	DH52105157	Nguyễn	Phú	D21_TH02	6.12	130	58	21	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
186	DH52103820	Trương Trần Anh	Phúc	D21_TH02	5.91	135	61	16	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
187	DH52106734	Đặng Đức	Trí	D21_TH02	6.56	139	62	12	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
188	DH52103540	Ngô Nguyễn Thành	Triển	D21_TH02	4.20	72	33	79	32	3	35	Không đạt					2021-2025	
189	DH52111960	Hà Tiến	Trung	D21_TH02	6.14	135	61	16	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
190	DH52105156	Lê Thanh	Trung	D21_TH02	6.16	127	57	24	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
191	DH52106190	Bùi Quốc	Anh	D21_TH03	5.58	128	58	23	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
192	DH52107607	Lê Hoàng	Công	D21_TH03	6.74	137	63	14	4	1	5	Không đạt					2021-2025	
193	DH52103348	Nguyễn Phan Hoàng	Đạt	D21_TH03	5.90	122	58	29	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
194	DH52107728	Lê Huy	Hoàng	D21_TH03	5.98	136	62	15	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
195	DH52104015	Nguyễn Huy	Hoàng	D21_TH03	6.42	140	63	11	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
196	DH52103289	Nguyễn Quốc	Hoàng	D21_TH03	6.16	139	62	12	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
197	DH52107715	Trần Văn	Hoàng	D21_TH03	5.94	139	63	12	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
198	DH52107557	Võ Xuân	Huy	D21_TH03	4.60	83	39	68	27	2	29	Không đạt					2021-2025	
199	DH52103066	Đỗ Nguyễn Anh	Khôi	D21_TH03	4.57	91	42	60	26	0	26	Không đạt					2021-2025	
200	DH52102880	Huỳnh Quốc	Lợi	D21_TH03	5.97	131	59	20	9	0	9	Không đạt					2021-2025	
201	DH52101401	Nguyễn Công Bảo	Long	D21_TH03	4.66	84	40	67	27	1	28	Không đạt					2021-2025	
202	DH52103784	Nguyễn Hữu	Luân	D21_TH03	6.04	134	59	17	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
203	DH52103467	Nguyễn Thành	Minh	D21_TH03	6.07	133	61	18	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
204	DH52103115	Nguyễn Thiện	Nhân	D21_TH03	5.90	126	58	25	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
205	DH52104508	Trần Số	Ny	D21_TH03	5.83	127	59	24	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
206	DH52103039	Phạm Xuân	Phú	D21_TH03	5.77	129	57	22	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
207	DH52106430	Nguyễn Trọng	Phúc	D21_TH03	5.51	118	53	33	14	1	15	Không đạt					2021-2025	
208	DH52103494	Trần Thanh	Phương	D21_TH03	7.29	141	63	10	5	0	5	Không đạt					2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
209	DH52106879	Nguyễn Thúy Vy		D21_TH03	5.72	117	54	34	14	0	14	Không đạt					2021-2025	
210	DH52107366	Lê Quốc An		D21_TH04	6.19	140	63	11	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
211	DH52106600	Lê Anh Dũng		D21_TH04	5.17	115	52	36	15	1	16	Không đạt					2021-2025	
212	DH52106723	Dương Trường Duy		D21_TH04	5.84	122	57	32	12	0	12	Không đạt					2021-2025	
213	DH52103264	Ngô Tấn Hào		D21_TH04	6.11	136	62	15	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
214	DH52107858	Mai Hữu Hiếu		D21_TH04	3.68	54	25	97	40	3	43	Không đạt					2021-2025	
215	DH52103588	Nguyễn Đoàn Minh Hùng		D21_TH04	5.87	131	61	20	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
216	DH52106696	Trần Đức Huy		D21_TH04	5.99	131	58	20	9	1	10	Không đạt					2021-2025	
217	DH52103938	Bùi Văn Anh Kiệt		D21_TH04	6.25	139	63	15	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
218	DH52107913	Trương Anh Kiệt		D21_TH04	6.00	132	57	19	9	1	10	Không đạt					2021-2025	
219	DH52105046	Đoàn Phước Lợi		D21_TH04	4.77	74	36	77	30	2	32	Không đạt					2021-2025	
220	DH52100215	Hà Bảo Nguyên		D21_TH04	5.05	101	45	50	22	1	23	Không đạt					2021-2025	
221	DH52106268	Trịnh Thanh Trúc		D21_TH04	5.67	125	55	26	13	0	13	Không đạt					2021-2025	
222	DH52102001	Phạm Anh Tuấn		D21_TH04	5.82	134	60	17	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
223	DH52109246	Lại Thế Bảo		D21_TH05	5.45	105	46	46	20	1	21	Không đạt					2021-2025	
224	DH52110616	Vương Hữu Quốc Bảo		D21_TH05	6.01	134	60	17	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
225	DH52103223	Nguyễn Công Danh		D21_TH05	5.83	134	58	17	8	1	9	Không đạt					2021-2025	
226	DH52107968	Nguyễn Minh Đức		D21_TH05	4.08	67	33	86	34	2	36	Không đạt					2021-2025	
227	DH52106356	Phạm Nhật Hào		D21_TH05	5.86	135	60	16	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
228	DH52102897	Phạm Đăng Thái Hưng		D21_TH05	5.01	92	42	59	25	0	25	Không đạt					2021-2025	
229	DH52108376	Đỗ Quốc Huy		D21_TH05	4.22	74	34	79	31	3	34	Không đạt					2021-2025	
230	DH52107579	Nguyễn Huỳnh Kha		D21_TH05	5.88	118	53	33	13	1	14	Không đạt					2021-2025	
231	DH52108691	Hoàng Đoàn Nam		D21_TH05	4.93	85	37	66	27	3	30	Không đạt					2021-2025	
232	DH52108293	Nguyễn Phạm Hoài Nam		D21_TH05	5.21	106	47	45	19	1	20	Không đạt					2021-2025	
233	DH52107414	Nguyễn Thành Nam		D21_TH05	4.85	103	48	48	20	0	20	Không đạt					2021-2025	
234	DH52100332	Trần Hoàng Phúc		D21_TH05	6.28	132	59	19	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
235	DH52108505	Nguyễn Minh Quân		D21_TH05	5.66	124	56	27	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
236	DH52105768	Vương Văn Thăng		D21_TH05	4.58	85	39	67	30	0	30	Không đạt					2021-2025	
237	DH52111750	Trần Minh Thành		D21_TH05	5.60	113	52	38	15	1	16	Không đạt					2021-2025	
238	DH52001452	Dương Tấn Tín		D21_TH05	4.61	78	37	73	28	2	30	Không đạt					2021-2025	
239	DH52105057	Lê Thị Mỹ Trinh		D21_TH05	6.05	133	60	18	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
240	DH52107301	Trần Duy Trọng		D21_TH05	3.67	58	25	93	42	1	43	Không đạt					2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
241	DH52112017	Trương Như Quốc	Tuấn	D21_TH05	3.83	47	22	106	43	3	46	Không đạt					2021-2025	
242	DH52107369	Trần Thế	Vũ	D21_TH05	6.07	139	63	15	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
243	DH52108444	Đặng Thành	Đạt	D21_TH06	2.65	38	20	114	46	3	49	Không đạt					2021-2025	
244	DH52108348	Đỗ Thành	Đạt	D21_TH06	6.10	128	59	23	9	0	9	Không đạt					2021-2025	
245	DH52112771	Phan Văn	Đông	D21_TH06	4.12	76	34	77	33	1	34	Không đạt					2021-2025	
246	DH52106669	Nguyễn Phan Thành	Đồng	D21_TH06	5.79	130	60	21	7	1	8	Không đạt					2021-2025	
247	DH52108521	Đàm Việt	Đức	D21_TH06	3.14	57	25	96	40	3	43	Không đạt					2021-2025	
248	DH52110819	Lý Tuấn	Đức	D21_TH06	5.90	114	52	37	14	2	16	Không đạt					2021-2025	
249	DH52108143	Nguyễn Xuân	Duy	D21_TH06	6.01	120	56	31	12	0	12	Không đạt					2021-2025	
250	DH52108855	Phạm Ngọc	Hà	D21_TH06	6.21	141	64	10	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
251	DH52110891	Nguyễn Hoàng	Hiệp	D21_TH06	6.01	133	61	18	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
252	DH52108890	Phan Trường	Huy	D21_TH06	5.34	112	51	39	17	0	17	Không đạt					2021-2025	
253	DH52108236	Phan Anh	Kha	D21_TH06	5.88	127	57	24	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
254	DH52108895	Phạm Vũ	Khang	D21_TH06	5.74	131	58	20	9	0	9	Không đạt					2021-2025	
255	DH52108673	Lê Vinh	Kiên	D21_TH06	4.68	96	46	55	21	1	22	Không đạt					2021-2025	
256	DH52108789	Hà Mạnh	Lộc	D21_TH06	4.24	68	34	83	32	2	34	Không đạt					2021-2025	
257	DH52108918	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D21_TH06	4.77	89	42	62	24	2	26	Không đạt					2021-2025	
258	DH52108670	Nguyễn Phúc	Nguyên	D21_TH06	5.37	122	57	29	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
259	DH52108889	Đàm Hữu	Nhiên	D21_TH06	3.99	66	31	85	34	2	36	Không đạt					2021-2025	
260	DH52108154	Trần Tam	Quý	D21_TH06	5.43	123	58	28	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
261	DH52108834	Huỳnh Tấn	Tài	D21_TH06	5.60	121	55	30	13	0	13	Không đạt					2021-2025	
262	DH52108642	Phan Minh	Tân	D21_TH06	5.82	127	57	24	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
263	DH52106774	Lâm Nhất	Thắng	D21_TH06	4.24	83	38	68	30	0	30	Không đạt					2021-2025	
264	DH52108511	Nguyễn Hà	Thắng	D21_TH06	5.74	128	58	23	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
265	DH52112098	Hà Thanh	Vũ	D21_TH06	3.87	59	28	92	37	3	40	Không đạt					2021-2025	
266	DH52103673	Võ Chí	Báo	D21_TH07	5.80	129	58	22	9	0	9	Không đạt					2021-2025	
267	DH52110665	Đặng Trọng	Danh	D21_TH07	6.23	136	61	15	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
268	DH52110762	Lê Thành	Đạt	D21_TH07	5.12	110	49	41	16	2	18	Không đạt					2021-2025	
269	DH52109003	Nguyễn Đức	Dương	D21_TH07	6.01	137	60	14	7	0	7	Không đạt					2021-2025	
270	DH52109198	Nguyễn Trường Khánh	Duy	D21_TH07	3.31	47	21	106	44	3	47	Không đạt					2021-2025	
271	DH52110884	Nguyễn Trọng	Hiền	D21_TH07	5.87	119	55	32	13	0	13	Không đạt					2021-2025	
272	DH52110905	Lê Văn	Hiếu	D21_TH07	4.23	68	34	83	32	2	34	Không đạt					2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
273	DH52113657	Thiều Đặng	Hiếu	D21_TH07	4.57	79	37	72	28	2	30	Không đạt					2021-2025	
274	DH52107895	Mai Hữu	Hoàng	D21_TH07	4.42	75	35	73	30	1	31	Không đạt					2021-2025	
275	DH52108953	Trương Đình	Hoàng	D21_TH07	5.97	138	63	13	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
276	DH52111008	Lư Tuấn	Huy	D21_TH07	3.59	63	31	90	35	2	37	Không đạt					2021-2025	
277	DH52100713	Lê Anh	Khôi	D21_TH07	3.39	38	17	115	48	3	51	Không đạt					2021-2025	
278	DH52108990	Nguyễn Hồ Bảo	Long	D21_TH07	4.63	78	35	73	31	2	33	Không đạt					2021-2025	
279	DH52108957	Nguyễn Dương	Luân	D21_TH07	4.34	76	33	72	31	2	33	Không đạt					2021-2025	
280	DH52109074	Nguyễn Hoàng	Minh	D21_TH07	5.26	109	51	42	17	0	17	Không đạt					2021-2025	
281	DH52100989	Lê Phước Vĩnh Chí	Minh Nhật	D21_TH07	4.79	92	42	56	22	2	24	Không đạt					2021-2025	
282	DH52109270	Phùng Kiên	Phước	D21_TH07	6.35	136	59	15	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
283	DH52109129	Phạm Thành	Thi	D21_TH07	4.96	93	42	58	25	0	25	Không đạt					2021-2025	
284	DH52101407	Nguyễn Quang	Triệu	D21_TH07	5.31	113	52	38	15	1	16	Không đạt					2021-2025	
285	DH52103676	Dương Yến	Vy	D21_TH07	5.91	128	57	23	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
286	DH52110583	Quách Chí	Ẩn	D21_TH08	5.84	131	60	20	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
287	DH52108819	Lê Nhị Thiên	Hà	D21_TH08	3.92	68	32	83	34	2	36	Không đạt					2021-2025	
288	DH52110851	Đỗ Chí	Hải	D21_TH08	6.30	134	62	17	6	0	6	Không đạt					2021-2025	
289	DH52110865	Châu Minh	Hào	D21_TH08	4.26	69	33	82	32	3	35	Không đạt					2021-2025	
290	DH52110887	Phạm Thế	Hiển	D21_TH08	5.72	126	58	25	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
291	DH52111075	Nguyễn Việt	Kha	D21_TH08	4.14	78	35	73	29	3	32	Không đạt					2021-2025	
292	DH52111098	Mai Nguyễn Duy	Khang	D21_TH08	5.34	105	49	46	19	0	19	Không đạt					2021-2025	
293	DH52111111	Bùi Ngọc Duy	Khánh	D21_TH08	3.11	49	23	103	43	3	46	Không đạt					2021-2025	
294	DH52111137	Nguyễn Anh	Khoa	D21_TH08	6.10	136	60	15	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
295	DH52111883	Đỗ Ngọc	Tiến	D21_TH08	3.52	65	31	88	37	1	38	Không đạt					2021-2025	
296	DH52110779	Nguyễn Tấn	Đạt	D21_TH09	6.52	140	63	11	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
297	DH52110685	Nguyễn Trí	Dũng	D21_TH09	5.21	100	44	51	22	2	24	Không đạt					2021-2025	
298	DH52111010	Nguyễn Đức	Huy	D21_TH09	4.60	74	37	77	31	0	31	Không đạt					2021-2025	
299	DH52111043	Tô Đan	Huy	D21_TH09	5.66	119	56	32	12	0	12	Không đạt					2021-2025	
300	DH52111052	Võ Nguyễn Nhật	Huy	D21_TH09	5.36	97	45	54	22	1	23	Không đạt					2021-2025	
301	DH52111080	Lý Hữu	Khải	D21_TH09	3.09	43	21	109	45	3	48	Không đạt					2021-2025	
302	DH52111102	Nguyễn Hồ Nhật	Khang	D21_TH09	5.23	95	45	56	23	0	23	Không đạt					2021-2025	
303	DH52111198	Tô Thanh	Lâm	D21_TH09	5.16	94	45	57	23	0	23	Không đạt					2021-2025	
304	DH52111255	Phan Tấn	Lộc	D21_TH09	5.69	118	53	33	14	1	15	Không đạt					2021-2025	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học		Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án			Tổng	TT_BTIN 1	TT_BTIN 2		
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
305	DH52111227	Huỳnh Nguyễn Nhật	Long	D21_TH09	6.50	134	60	17	8	0	8	Không đạt				2021-2025	
306	DH52111432	Thạch Thị Tuyết	Nhi	D21_TH09	5.94	134	59	17	9	0	9	Không đạt				2021-2025	
307	DH52111465	Hoàng Tấn	Phát	D21_TH09	4.22	75	34	76	32	2	34	Không đạt				2021-2025	
308	DH52111775	Hà Quang	Thật	D21_TH09	5.66	121	54	30	13	0	13	Không đạt				2021-2025	
309	DH52111930	Nguyễn Minh	Trí	D21_TH09	6.24	140	63	14	5	0	5	Không đạt				2021-2025	
310	DH52112003	Lê Thanh	Tuấn	D21_TH09	5.37	108	51	43	16	1	17	Không đạt				2021-2025	
311	DH52112111	Thạch Minh	Vũ	D21_TH09	6.31	127	57	24	11	0	11	Không đạt				2021-2025	
312	DH52112966	Vũ Văn	Dương	D21_TH10	5.34	111	51	42	17	1	18	Không đạt				2021-2025	
313	DH52111093	Lê Duy	Khang	D21_TH10	5.47	104	48	47	20	0	20	Không đạt				2021-2025	
314	DH52111118	Nguyễn Trần Minh	Khánh	D21_TH10	6.11	132	61	19	7	0	7	Không đạt				2021-2025	
315	DH52111143	Nguyễn Lê Quốc	Khoa	D21_TH10	6.02	140	64	11	4	0	4	Không đạt				2021-2025	
316	DH52111453	Võ Minh	Nhật	D21_TH10	6.44	138	63	13	5	0	5	Không đạt				2021-2025	
317	DH52111520	Lâm Hoàng	Phúc	D21_TH10	3.67	52	23	99	42	3	45	Không đạt				2021-2025	
318	DH52111532	Lưu Phạm Hồng	Phúc	D21_TH10	5.79	133	61	18	7	0	7	Không đạt				2021-2025	
319	DH52111535	Nguyễn Hoàng	Phúc	D21_TH10	5.92	135	62	16	6	0	6	Không đạt				2021-2025	
320	DH52004099	Trương Minh	Phúc	D21_TH10	5.93	125	59	26	9	0	9	Không đạt				2021-2025	
321	DH52111629	Nguyễn Hồ Phú	Quý	D21_TH10	2.71	45	21	108	44	3	47	Không đạt				2021-2025	
322	DH52111673	Trần Nguyễn Ngọc	Son	D21_TH10	5.83	128	59	23	9	0	9	Không đạt				2021-2025	
323	DH52111685	Nguyễn Đức	Tài	D21_TH10	6.27	141	63	10	5	0	5	Không đạt				2021-2025	
324	DH52111699	Thái Nguyễn Thành	Tài	D21_TH10	6.39	141	64	10	4	0	4	Không đạt				2021-2025	
325	DH52111780	Lê Uyên Thiên	Thi	D21_TH10	6.29	140	62	11	5	0	5	Không đạt				2021-2025	
326	DH52111800	Võ Lâm Minh	Thiện	D21_TH10	6.92	134	62	17	6	0	6	Không đạt				2021-2025	
327	DH52113005	Lê Hoàng	Thịnh	D21_TH10	6.44	125	58	26	9	1	10	Không đạt				2021-2025	
328	DH52111933	Nguyễn Thanh	Trí	D21_TH10	6.19	141	63	10	4	0	4	Không đạt				2021-2025	
329	DH52112742	Nguyễn Thành	Triển	D21_TH10	6.17	128	58	23	10	0	10	Không đạt				2021-2025	
330	DH52112015	Trần Anh	Tuấn	D21_TH10	6.08	123	56	28	12	0	12	Không đạt				2021-2025	
331	DH52112832	Nguyễn Quốc Hồng	Anh	D21_TH11	6.50	141	64	10	4	0	4	Không đạt				2021-2025	
332	DH52110775	Nguyễn Thành	Đạt	D21_TH11	6.44	138	62	13	6	0	6	Không đạt				2021-2025	
333	DH52110674	Nguyễn Trần Ngọc	Diễm	D21_TH11	5.68	117	52	34	13	2	15	Không đạt				2021-2025	
334	DH52110716	Phạm Tuấn	Duy	D21_TH11	6.24	135	61	16	7	0	7	Không đạt				2021-2025	
335	DH52110866	Dương Đặng Nhật	Hào	D21_TH11	2.87	32	16	121	49	3	52	Không đạt				2021-2025	
336	DH52110938	Phạm Thị Khánh	Hòa	D21_TH11	6.16	113	51	38	13	3	16	Không đạt				2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
337	DH52110964	Phan Minh	Hoàng	D21_TH11	5.66	110	52	41	16	0	16	Không đạt					2021-2025	
338	DH52111002	Hoàng Quốc	Huy	D21_TH11	5.25	108	49	43	16	2	18	Không đạt					2021-2025	
339	DH52113167	Huỳnh Thanh	Huy	D21_TH11	5.98	125	57	26	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
340	DH52111124	Vũ Nguyên	Khánh	D21_TH11	4.87	100	46	51	19	3	22	Không đạt					2021-2025	
341	DH52111458	Lê Hoàng	Pha	D21_TH11	6.46	141	64	10	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
342	DH52111854	Võ Minh	Thuận	D21_TH11	5.85	131	59	20	9	0	9	Không đạt					2021-2025	
343	DH52112110	Phạm Quang	Vũ	D21_TH11	5.34	107	49	44	17	2	19	Không đạt					2021-2025	
344	DH52113663	Nguyễn Cao Thái	Bào	D21_TH12	4.62	74	36	77	30	2	32	Không đạt					2021-2025	
345	DH52113000	Nguyễn Đình	Đồng	D21_TH12	6.27	127	59	24	7	2	9	Không đạt					2021-2025	
346	DH52113389	Bùi Văn Minh	Đức	D21_TH12	6.71	139	63	12	4	1	5	Không đạt					2021-2025	
347	DH52113613	Châu Quốc	Kiệt	D21_TH12	5.67	99	43	52	23	2	25	Không đạt					2021-2025	
348	DH52113263	Huỳnh Hữu	Lam	D21_TH12	3.92	69	34	82	32	2	34	Không đạt					2021-2025	
349	DH52111270	Lợi Gia	Luân	D21_TH12	5.87	115	51	33	15	1	16	Không đạt					2021-2025	
350	DH52111317	Phạm Lê Nhật	Minh	D21_TH12	5.76	109	50	42	17	0	17	Không đạt					2021-2025	
351	DH52111325	Vũ Đức	Minh	D21_TH12	6.08	111	51	40	15	2	17	Không đạt					2021-2025	
352	DH52111343	Phan Hoàng Nhật	Nam	D21_TH12	5.05	88	41	63	26	1	27	Không đạt					2021-2025	
353	DH52111413	Trương Minh	Nhân	D21_TH12	4.83	80	39	71	27	2	29	Không đạt					2021-2025	
354	DH52113030	Huỳnh Hoàng Gia	Phú	D21_TH12	4.95	91	42	60	22	3	25	Không đạt					2021-2025	
355	DH52111762	Huỳnh Đại	Thắng	D21_TH12	6.24	128	56	23	11	0	11	Không đạt					2021-2025	
356	DH52111817	Trần Gia	Thịnh	D21_TH12	4.72	85	41	66	25	1	26	Không đạt					2021-2025	
357	DH52111900	Nguyễn Công	Toại	D21_TH12	5.95	127	58	24	9	1	10	Không đạt					2021-2025	
358	DH52111903	Nguyễn Kiều Minh	Toàn	D21_TH12	6.19	140	63	11	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
359	DH52112086	Nguyễn Trần Thế	Vinh	D21_TH12	6.19	135	63	16	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
360	DH52112109	Phạm Nguyên	Vũ	D21_TH12	6.42	140	63	11	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
361	DH52110579	Đình Xuân Phước	Ấn	D21_TH13	6.08	139	64	12	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
362	DH52110555	Ngô Tuấn	Anh	D21_TH13	6.01	129	60	22	8	0	8	Không đạt					2021-2025	
363	DH52110643	Phan Minh	Chí	D21_TH13	4.96	96	44	55	22	2	24	Không đạt					2021-2025	
364	DH52111123	Võ Duy	Khánh	D21_TH13	6.18	140	64	11	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
365	DH52111126	Hồ Quang	Khiêm	D21_TH13	5.24	112	51	39	16	1	17	Không đạt					2021-2025	
366	DH52111127	Trần Gia	Khiêm	D21_TH13	6.42	136	63	15	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
367	DH52111162	Lê Trung	Kiên	D21_TH13	4.44	66	32	85	34	2	36	Không đạt					2021-2025	
368	DH52108982	Ngô Hiếu	Kiên	D21_TH13	6.01	137	63	14	5	0	5	Không đạt					2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
369	DH52111247	Đình Xuân	Lộc	D21_TH13	5.01	94	46	57	22	0	22	Không đạt					2021-2025	
370	DH52111306	Nguyễn Bảo	Minh	D21_TH13	5.06	99	45	52	22	1	23	Không đạt					2021-2025	
371	DH52113427	Lê Thị Trà	My	D21_TH13	4.89	93	46	58	22	0	22	Không đạt					2021-2025	
372	DH52111515	Cao Hoàng	Phúc	D21_TH13	5.07	96	47	55	21	0	21	Không đạt					2021-2025	
373	DH52111518	Hồ Nguyễn Hoàng	Phúc	D21_TH13	4.74	87	40	64	26	2	28	Không đạt					2021-2025	
374	DH52111686	Nguyễn Đình	Tài	D21_TH13	5.95	129	57	22	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
375	DH52111744	Nguyễn Đức	Thành	D21_TH13	5.37	110	50	41	18	0	18	Không đạt					2021-2025	
376	DH52111901	Đào Đăng Đức	Toàn	D21_TH13	4.62	84	36	67	29	2	31	Không đạt					2021-2025	
377	DH52111913	Huỳnh Quang	Trạng	D21_TH13	5.82	121	53	30	15	0	15	Không đạt					2021-2025	
378	DH52111940	Nguyễn Đăng	Triển	D21_TH13	5.56	117	54	34	14	0	14	Không đạt					2021-2025	
379	DH52112069	Nguyễn Văn	Việt	D21_TH13	4.94	90	41	61	26	1	27	Không đạt					2021-2025	
380	DH52110535	Nguyễn Quốc	An	D21_TH14	4.69	78	36	74	31	2	33	Không đạt					2021-2025	
381	DH52113438	Nguyễn Hoàng Trí	Đức	D21_TH14	5.51	119	55	32	13	0	13	Không đạt					2021-2025	
382	DH52110718	Phạm Võ Đình	Duy	D21_TH14	5.50	80	38	71	28	2	30	Không đạt					2021-2025	
383	DH52110982	Lê Mạnh	Hùng	D21_TH14	5.36	107	49	44	19	0	19	Không đạt					2021-2025	
384	DH52111058	Đào Ngọc	Hung	D21_TH14	5.04	90	44	61	24	0	24	Không đạt					2021-2025	
385	DH52113196	Trần Đỗ Quốc	Kiệt	D21_TH14	6.40	131	58	20	10	0	10	Không đạt					2021-2025	
386	DH52109208	Nguyễn Hoàng	Nam	D21_TH14	4.85	89	42	63	25	2	27	Không đạt					2021-2025	
387	DH52111339	Nguyễn Nhật	Nam	D21_TH14	5.34	96	44	55	22	2	24	Không đạt					2021-2025	
388	DH52111394	Nguyễn Văn	Nhạc	D21_TH14	6.30	139	63	12	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
389	DH52111397	Bùi Trọng	Nhân	D21_TH14	6.61	139	64	12	4	0	4	Không đạt					2021-2025	
390	DH52111620	Nguyễn Tấn	Quốc	D21_TH14	4.94	83	39	68	28	1	29	Không đạt					2021-2025	
391	DH52111622	Lý Hoàng	Quy	D21_TH14	6.19	138	62	13	5	0	5	Không đạt					2021-2025	
392	DH52111680	Huỳnh Tấn	Tài	D21_TH14	5.15	94	42	57	23	3	26	Không đạt					2021-2025	
393	DH52111761	Đỗ Đức	Thắng	D21_TH14	4.81	91	43	60	24	1	25	Không đạt					2021-2025	
394	DH52112009	Nguyễn Văn	Tuấn	D21_TH14	5.10	101	47	50	20	1	21	Không đạt					2021-2025	
395	DH52112101	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	D21_TH14	5.09	92	44	59	23	1	24	Không đạt					2021-2025	
396	DH52200505	Ngô Huệ	Đình	D22_TH01	5.61	118	53	23	9	2	11	Không đạt					2022-2026	
397	DH52200533	Huỳnh Lâm Chí	Dũng	D22_TH01	6.55	124	56	17	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
398	DH52200583	Phạm Thái	Duy	D22_TH01	6.41	116	53	25	9	2	11	Không đạt					2022-2026	
399	DH52200631	Lư Anh	Hào	D22_TH01	6.12	121	56	20	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
400	DH52200655	Tạ Minh	Hậu	D22_TH01	5.53	112	49	29	15	0	15	Không đạt					2022-2026	

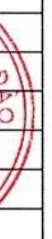
STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
401	DH52200747	Trần Khánh	Hưng	D22_TH01	6.03	115	52	26	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
402	DH52109191	Lê Đức	Huy	D22_TH01	3.04	47	21	90	40	1	41	Không đạt					2022-2026	
403	DH52200824	Trần Minh	Kha	D22_TH01	7.50	131	58	10	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
404	DH52200950	Nguyễn Hoài Anh	Kiệt	D22_TH01	5.18	94	43	48	21	1	22	Không đạt					2022-2026	
405	DH52200962	Vô Tuấn	Kiệt	D22_TH01	1.46	12	6	129	55	2	57	Không đạt					2022-2026	
406	DH52201007	Vô Thành	Lộc	D22_TH01	4.13	54	25	87	37	2	39	Không đạt					2022-2026	
407	DH52201008	Nguyễn Hoàng	Lợi	D22_TH01	6.44	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
408	DH52201033	Lê Hữu	Luân	D22_TH01	6.24	126	57	15	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
409	DH52201084	Trương Nhật	Nam	D22_TH01	4.18	42	20	95	40	2	42	Không đạt					2022-2026	
410	DH52201139	Nguyễn Phúc	Nhân	D22_TH01	6.16	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
411	DH52201150	Ngô Minh	Nhật	D22_TH01	5.14	93	45	48	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
412	DH52111470	Lê Tiến	Phát	D22_TH01	4.68	81	38	60	26	0	26	Không đạt					2022-2026	
413	DH52201198	Trần Tấn	Phát	D22_TH01	5.91	115	53	26	10	1	11	Không đạt					2022-2026	
414	DH52201206	Dương Hoài	Phong	D22_TH01	2.89	40	20	103	43	1	44	Không đạt					2022-2026	
415	DH52201229	Hà Thiên	Phúc	D22_TH01	6.16	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
416	DH52201237	Lê Trọng	Phúc	D22_TH01	4.87	94	43	47	20	1	21	Không đạt					2022-2026	
417	DH52201297	Tôn Minh	Quân	D22_TH01	5.16	110	51	31	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
418	DH52201347	Huỳnh Mạnh	Quỳnh	D22_TH01	6.20	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
419	DH52201351	Lê Văn	Sắc	D22_TH01	5.81	110	51	31	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
420	DH52201358	Nguyễn Phúc	Sang	D22_TH01	5.68	113	52	28	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
421	DH52201377	Văn Thanh	Sơn	D22_TH01	5.84	108	49	33	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
422	DH52201388	Nguyễn Thanh	Tài	D22_TH01	4.89	85	40	56	23	0	23	Không đạt					2022-2026	
423	DH52201469	Phan Ngọc	Thao	D22_TH01	5.53	126	57	15	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
424	DH52201491	Đặng Phước	Thịnh	D22_TH01	2.06	21	12	116	48	2	50	Không đạt					2022-2026	
425	DH52201519	Nguyễn Kim	Thu	D22_TH01	5.70	116	53	25	10	1	11	Không đạt					2022-2026	
426	DH52201598	Trần Nhân	Tông	D22_TH01	4.34	84	38	54	24	1	25	Không đạt					2022-2026	
427	DH52112004	Ngô Gia	Tuấn	D22_TH01	6.37	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
428	DH52200454	Cao Tấn	Đạt	D22_TH02	5.41	112	50	29	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
429	DH52200472	Lê Văn	Đạt	D22_TH02	5.85	124	57	17	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
430	DH52200752	Vòng Kiên	Hưng	D22_TH02	5.96	110	48	31	14	1	15	Không đạt					2022-2026	
431	DH52200828	Huỳnh Nguyễn Chí	Khải	D22_TH02	5.68	110	52	31	11	1	12	Không đạt					2022-2026	
432	DH52111091	Huỳnh Quốc Minh	Khang	D22_TH02	5.76	78	36	59	24	2	26	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
433	DH52200945	Lê Phạm Tuấn	Kiệt	D22_TH02	6.18	131	59	10	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
434	DH52200970	Ngô Ngọc	Lâm	D22_TH02	3.34	31	16	112	46	2	48	Không đạt					2022-2026	
435	DH52200998	Nguyễn Hữu	Lộc	D22_TH02	6.25	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
436	DH52201002	Phạm Quang	Lộc	D22_TH02	5.65	99	42	42	19	2	21	Không đạt					2022-2026	
437	DH52201056	Lưu Quang	Minh	D22_TH02	5.96	123	56	18	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
438	DH52201083	Trần Hoa	Nam	D22_TH02	6.77	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
439	DH52201090	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D22_TH02	5.50	109	49	32	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
440	DH52201106	Hoàng Minh	Ngọc	D22_TH02	6.51	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
441	DH52201109	Phan Thị Ngân	Ngọc	D22_TH02	4.20	70	34	71	29	1	30	Không đạt					2022-2026	
442	DH52201152	Nguyễn Minh	Nhật	D22_TH02	5.60	119	53	22	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
443	DH52201207	Lê Chí	Phong	D22_TH02	5.62	112	50	29	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
444	DH52201208	Lê Đình Tam Quốc	Phong	D22_TH02	4.40	51	25	92	38	1	39	Không đạt					2022-2026	
445	DH52201362	Trần Tuấn	Sang	D22_TH02	5.89	117	55	24	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
446	DH52201426	Lê Hoàng	Thân	D22_TH02	5.71	113	52	31	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
447	DH52201435	Lê Duyên	Thắng	D22_TH02	5.88	120	55	21	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
448	DH52201485	Lê Gia	Thiện	D22_TH02	5.95	119	54	23	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
449	DH52201631	Nguyễn Minh	Trí	D22_TH02	3.49	63	29	80	34	1	35	Không đạt					2022-2026	
450	DH52108881	Phan Công	Trí	D22_TH02	4.31	62	27	81	36	2	38	Không đạt					2022-2026	
451	DH52201639	Trần Minh	Trí	D22_TH02	6.42	124	58	20	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
452	DH52201649	Nguyễn Khánh Phương	Trình	D22_TH02	4.82	84	38	57	24	1	25	Không đạt					2022-2026	
453	DH52201677	Mai Văn	Trường	D22_TH02	6.61	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
454	DH52201703	Đỗ Đồng Anh	Tuấn	D22_TH02	5.11	98	47	43	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
455	DH52201748	Ngô Đình Khắc	Viễn	D22_TH02	3.44	35	20	106	42	2	44	Không đạt					2022-2026	
456	DH52200365	Nguyễn Đặng Quốc	Bảo	D22_TH03	4.21	66	31	75	32	1	33	Không đạt					2022-2026	
457	DH52200391	Kim Văn	Bình	D22_TH03	4.74	84	40	57	24	0	24	Không đạt					2022-2026	
458	DH52200415	Phan Văn Thế	Chương	D22_TH03	3.78	55	25	86	38	1	39	Không đạt					2022-2026	
459	DH52200452	Nguyễn Võ Thành	Danh	D22_TH03	6.56	128	56	13	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
460	DH52200453	Phan Đạt Thành	Danh	D22_TH03	5.06	93	45	48	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
461	DH52200490	Nguyễn Tiến	Đạt	D22_TH03	6.29	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
462	DH52200492	Phạm Xuân	Đạt	D22_TH03	4.81	79	37	62	27	0	27	Không đạt					2022-2026	
463	DH52200539	Phạm Quang	Dũng	D22_TH03	5.54	99	46	42	17	1	18	Không đạt					2022-2026	
464	DH52200554	Bùi Khắc	Duy	D22_TH03	5.47	101	46	40	18	0	18	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
465	DH52200558	Đoàn Trường	Duy	D22_TH03	5.29	103	50	38	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
466	DH52200614	Phan Thị Mỹ	Hà	D22_TH03	5.93	110	52	31	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
467	DH52200616	Hứa Khắc	Hải	D22_TH03	6.21	117	54	24	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
468	DH52200671	Bùi Khắc	Hiếu	D22_TH03	5.83	104	48	37	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
469	DH52200806	Trần Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH03	5.44	88	45	53	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
470	DH52200815	Nguyễn Văn	Huyền	D22_TH03	6.17	114	52	27	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
471	DH52200854	Võ Lê Minh	Khang	D22_TH03	5.30	100	47	41	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
472	DH52200890	Trương Gia	Khánh	D22_TH03	5.41	109	51	32	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
473	DH52200901	Dương Nguyễn Đăng	Khoa	D22_TH03	2.67	36	19	106	44	2	46	Không đạt					2022-2026	
474	DH52200912	Nguyễn Hoàng	Khoa	D22_TH03	6.00	128	59	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
475	DH52200915	Phan Anh	Khoa	D22_TH03	5.84	122	55	19	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
476	DH52200986	Nguyễn Thế	Linh	D22_TH03	4.25	57	28	84	36	0	36	Không đạt					2022-2026	
477	DH52201015	Đoàn Nam Vân	Long	D22_TH03	5.29	93	42	48	20	2	22	Không đạt					2022-2026	
478	DH52201065	Trần Tiến	Minh	D22_TH03	3.98	66	32	75	30	1	31	Không đạt					2022-2026	
479	DH52201080	Nguyễn Thành	Nam	D22_TH03	6.10	127	59	14	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
480	DH52201138	Lê Thành	Nhân	D22_TH03	5.87	111	51	30	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
481	DH52201201	Trần Tuấn	Phát	D22_TH03	5.65	115	51	26	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
482	DH52201250	Nguyễn Trường	Phúc	D22_TH03	6.14	129	60	12	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
483	DH52201341	Nguyễn Ngọc	Quyển	D22_TH03	5.51	104	50	37	13	1	14	Không đạt					2022-2026	
484	DH52201418	Nguyễn Duy	Thái	D22_TH03	5.26	98	46	43	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
485	DH52201431	Chung Nguyễn Quốc	Thắng	D22_TH03	6.36	128	59	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
486	DH52201447	Lư Chí	Thanh	D22_TH03	6.27	128	56	13	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
487	DH52201508	Võ Lê Minh	Thịnh	D22_TH03	5.49	98	46	43	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
488	DH52201568	Nguyễn Hữu	Tín	D22_TH03	5.79	116	55	25	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
489	DH52201713	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D22_TH03	5.57	98	44	43	19	1	20	Không đạt					2022-2026	
490	DH52200312	Trần Bảo	An	D22_TH04	6.53	129	60	12	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
491	DH52200315	Châu Hoàng	Ân	D22_TH04	5.67	115	54	26	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
492	DH52200387	Đỗ Nguyễn Thanh	Bình	D22_TH04	5.62	100	47	41	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
493	DH52200395	Phạm Đức	Bình	D22_TH04	5.64	104	48	37	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
494	DH52200448	Trần Quang	Đăng	D22_TH04	5.85	117	55	24	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
495	DH52200457	Đỗ Hưng	Đạt	D22_TH04	5.68	101	48	40	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
496	DH52200615	Hồ Đăng Ngọc	Hải	D22_TH04	6.54	130	59	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
497	DH52200680	Ngô Anh	Hiếu	D22_TH04	6.29	96	44	45	19	1	20	Không đạt					2022-2026	
498	DH52200685	Nguyễn Trung	Hiếu	D22_TH04	6.21	121	55	22	8	1	9	Không đạt					2022-2026	
499	DH52200716	Nguyễn Minh	Hoàng	D22_TH04	5.04	98	47	43	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
500	DH52200739	Nguyễn Quốc	Hung	D22_TH04	5.59	101	46	41	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
501	DH52200751	Võ Nguyễn Gia	Hung	D22_TH04	5.06	90	44	51	20	0	20	Không đạt					2022-2026	
502	DH52200765	Hồ Chí	Huy	D22_TH04	4.69	77	36	64	28	0	28	Không đạt					2022-2026	
503	DH52200770	Lê Quang	Huy	D22_TH04	6.68	125	57	16	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
504	DH52200844	Nguyễn Minh	Khang	D22_TH04	5.90	122	57	19	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
505	DH52200891	Võ Nguyễn	Khánh	D22_TH04	5.66	120	56	21	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
506	DH52200899	Đậu Văn	Khoa	D22_TH04	5.82	87	40	54	23	1	24	Không đạt					2022-2026	
507	DH52200903	Huỳnh Đăng	Khoa	D22_TH04	3.93	64	28	77	35	1	36	Không đạt					2022-2026	
508	DH52200921	Nguyễn Quốc	Khoảng	D22_TH04	5.25	108	48	33	15	1	16	Không đạt					2022-2026	
509	DH52200964	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Kim	D22_TH04	5.63	91	44	50	20	0	20	Không đạt					2022-2026	
510	DH52201025	Phạm Nguyễn Quốc	Long	D22_TH04	5.87	122	56	19	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
511	DH52201027	Thái Du	Long	D22_TH04	4.84	94	42	47	20	1	21	Không đạt					2022-2026	
512	DH52201092	Phan Thị Kim	Ngân	D22_TH04	5.82	115	53	26	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
513	DH52201115	Lê An	Nguyễn	D22_TH04	6.03	123	56	18	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
514	DH52201141	Nguyễn Thành	Nhân	D22_TH04	6.02	129	59	15	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
515	DH52201254	Thiều Hữu	Phúc	D22_TH04	4.51	83	37	58	25	2	27	Không đạt					2022-2026	
516	DH52201257	Trần Minh	Phúc	D22_TH04	4.90	100	44	41	18	1	19	Không đạt					2022-2026	
517	DH52201334	Phan Gia	Quý	D22_TH04	5.46	104	49	37	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
518	DH52201373	Phạm Ngọc	Son	D22_TH04	5.74	114	51	27	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
519	DH52201379	Võ Văn	Sỹ	D22_TH04	6.31	124	56	17	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
520	DH52201390	Nguyễn Tuấn	Tài	D22_TH04	6.33	127	57	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
521	DH52201434	Huỳnh Mai Việt	Thắng	D22_TH04	4.05	64	30	77	31	2	33	Không đạt					2022-2026	
522	DH52201448	Ngô Kiến	Thanh	D22_TH04	5.95	113	50	28	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
523	DH52201449	Nguyễn Chí	Thanh	D22_TH04	6.18	131	58	10	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
524	DH52201467	Phạm Văn	Thành	D22_TH04	6.16	121	54	20	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
525	DH52201556	Nguyễn Tân	Tiến	D22_TH04	4.71	93	43	48	19	1	20	Không đạt					2022-2026	
526	DH52201579	Hoàng Kim	Tịnh	D22_TH04	6.21	130	57	11	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
527	DH52201613	Trần Lê Minh	Trạng	D22_TH04	2.40	36	17	109	46	2	48	Không đạt					2022-2026	
528	DH52201742	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D22_TH04	6.59	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
529	DH52201774	Nguyễn Hoàng	Vũ	D22_TH04	5.41	98	45	43	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
530	DH52200338	Trần Gia Hoàng	Anh	D22_TH05	6.25	122	55	19	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
531	DH52200356	Hoàng Kim	Bảo	D22_TH05	5.70	120	53	24	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
532	DH52200360	Lâm Quốc	Bảo	D22_TH05	6.18	122	56	19	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
533	DH52200377	Trần Quốc	Bảo	D22_TH05	6.05	116	54	25	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
534	DH52200380	Trương Hoàng Gia	Bảo	D22_TH05	6.04	122	56	19	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
535	DH52200422	Lâm Đoàn Việt	Cường	D22_TH05	6.41	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
536	DH52200463	Hồ Mẫn	Đạt	D22_TH05	3.43	56	25	85	38	1	39	Không đạt					2022-2026	
537	DH52200547	Lưu Thanh	Dương	D22_TH05	6.13	120	56	21	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
538	DH52200552	Trần Doãn Tùng	Dương	D22_TH05	5.07	93	42	48	22	0	22	Không đạt					2022-2026	
539	DH52200591	Triệu Phạm Linh	Duy	D22_TH05	5.91	121	56	20	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
540	DH52200641	Trần Anh	Hào	D22_TH05	6.09	119	54	22	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
541	DH52200712	Nguyễn Đức	Hoàng	D22_TH05	6.91	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
542	DH52200735	Huỳnh Đàm Vĩnh	Hung	D22_TH05	2.71	30	15	108	46	2	48	Không đạt					2022-2026	
543	DH52200808	Trần Trọng	Huy	D22_TH05	4.09	60	28	81	35	1	36	Không đạt					2022-2026	
544	DH52200809	Trần Trường	Huy	D22_TH05	6.16	112	52	29	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
545	DH52200812	Võ Khắc	Huy	D22_TH05	6.15	119	55	22	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
546	DH52200834	Hồ Bảo	Khang	D22_TH05	3.68	60	27	81	33	1	34	Không đạt					2022-2026	
547	DH52200845	Nguyễn Trí	Khang	D22_TH05	3.29	47	24	90	36	2	38	Không đạt					2022-2026	
548	DH52200875	Nguyễn Duy	Khánh	D22_TH05	5.59	109	49	32	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
549	DH52200883	Phạm Thế	Khánh	D22_TH05	5.81	119	55	22	8	1	9	Không đạt					2022-2026	
550	DH52200916	Phan Đăng	Khoa	D22_TH05	1.64	20	10	123	52	2	54	Không đạt					2022-2026	
551	DH52200944	Dương Tuấn	Kiệt	D22_TH05	5.74	117	54	24	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
552	DH52200949	Nguyễn Bảo	Kiệt	D22_TH05	5.69	114	52	24	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
553	DH52200985	Nguyễn Phan Tuấn	Linh	D22_TH05	6.50	129	59	12	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
554	DH52200991	Bùi Đỗ Phúc	Lộc	D22_TH05	5.61	109	51	32	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
555	DH52201011	Diệp Phi	Long	D22_TH05	4.84	75	38	66	25	1	26	Không đạt					2022-2026	
556	DH52201038	Bùi Duy	Luận	D22_TH05	5.44	99	46	42	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
557	DH52201045	Nguyễn Tuấn	Mẫn	D22_TH05	5.23	86	40	57	25	0	25	Không đạt					2022-2026	
558	DH52201188	Nguyễn Lê Minh	Phát	D22_TH05	6.93	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
559	DH52201205	Dương Hoài	Phong	D22_TH05	6.45	126	57	17	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
560	DH52201212	Nguyễn Trung	Phong	D22_TH05	5.61	104	49	37	15	0	15	Không đạt					2022-2026	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTIN 1	TT_BTIN 2			TT_BTIN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
561	DH52201660	Trần Phú	Trọng	D22_TH05	3.74	54	27	87	36	1	37	Không đạt					2022-2026	
562	DH52201673	Đặng Quang	Trường	D22_TH05	5.79	116	51	25	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
563	DH52201674	Hà Quang	Trường	D22_TH05	6.38	123	56	18	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
564	DH52201716	Nguyễn Phạm Hoàng	Tuấn	D22_TH05	5.70	107	50	34	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
565	DH52201741	Phạm Minh	Tuyển	D22_TH05	5.23	103	49	38	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
566	DH52201747	Huỳnh Phan Kiều	Vĩ	D22_TH05	3.86	59	30	84	35	0	35	Không đạt					2022-2026	
567	DH52200362	Mông Quyền Gia	Bảo	D22_TH06	4.50	73	33	68	30	0	30	Không đạt					2022-2026	
568	DH52200420	Vô Trung	Công	D22_TH06	5.56	100	46	41	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
569	DH52200451	Nguyễn Công	Danh	D22_TH06	5.70	103	49	38	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
570	DH52200496	Trần Phát	Đạt	D22_TH06	4.53	78	36	63	28	0	28	Không đạt					2022-2026	
571	DH52200510	Phạm Doanh	Doanh	D22_TH06	4.50	75	34	66	29	1	30	Không đạt					2022-2026	
572	DH52200528	Phạm Thị Ngọc	Dung	D22_TH06	5.35	97	45	44	18	1	19	Không đạt					2022-2026	
573	DH52200546	Lê Văn Hoàng	Dương	D22_TH06	5.94	125	57	16	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
574	DH52200553	Vô Đăng	Dương	D22_TH06	4.93	91	41	47	22	0	22	Không đạt					2022-2026	
575	DH52200588	Trần Khánh	Duy	D22_TH06	5.36	103	46	38	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
576	DH52200603	Vô Trường	Giang	D22_TH06	5.46	96	47	45	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
577	DH52200653	Nguyễn Trung	Hậu	D22_TH06	6.40	122	56	19	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
578	DH52200718	Nguyễn Việt	Hoàng	D22_TH06	4.65	80	39	61	25	0	25	Không đạt					2022-2026	
579	DH52200738	Nguyễn Hữu	Hung	D22_TH06	4.39	81	39	60	24	1	25	Không đạt					2022-2026	
580	DH52200794	Phạm Nguyễn Nhất	Huy	D22_TH06	5.87	112	53	29	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
581	DH52200817	Vô Thị Ngọc	Huyền	D22_TH06	6.43	129	60	12	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
582	DH52200838	Ngô Thái	Khang	D22_TH06	5.43	100	49	41	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
583	DH52200955	Phan Trần Anh	Kiệt	D22_TH06	6.19	121	54	20	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
584	DH52201001	Nguyễn Tấn Thiên	Lộc	D22_TH06	6.30	124	55	17	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
585	DH52201012	Đỗ Hoàng	Long	D22_TH06	5.82	120	55	21	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
586	DH52201046	Phạm Minh	Mẫn	D22_TH06	5.23	106	46	35	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
587	DH52201077	Ngô Hoàng	Nam	D22_TH06	5.45	118	54	23	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
588	DH52201117	Lưu Bích	Nguyễn	D22_TH06	4.68	74	34	67	30	0	30	Không đạt					2022-2026	
589	DH52201162	Nguyễn Khắc	Nhu	D22_TH06	5.70	121	54	22	8	2	10	Không đạt					2022-2026	
590	DH52201223	Nguyễn Thanh	Phú	D22_TH06	6.08	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
591	DH52201263	Vũ Hoàng Tuấn	Phúc	D22_TH06	6.17	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
592	DH52201303	Lê Trần Trung	Quang	D22_TH06	4.32	69	31	74	32	1	33	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
593	DH52201410	Ngô Minh	Tân	D22_TH06	4.45	79	36	63	29	0	29	Không đạt					2022-2026	
594	DH52201424	Mã Nữ Như	Thắm	D22_TH06	6.39	131	58	10	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
595	DH52201493	Huỳnh Quốc	Thịnh	D22_TH06	6.06	122	54	19	9	1	10	Không đạt					2022-2026	
596	DH52201563	Nguyễn Thanh	Tiền	D22_TH06	5.49	100	42	41	21	0	21	Không đạt					2022-2026	
597	DH52201577	Phan Thanh	Tinh	D22_TH06	4.06	77	34	66	29	1	30	Không đạt					2022-2026	
598	DH52201583	Lê Công	Toại	D22_TH06	5.89	110	51	28	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
599	DH52201584	Đặng Bảo	Toàn	D22_TH06	6.37	109	47	29	13	2	15	Không đạt					2022-2026	
600	DH52201634	Nguyễn Văn Trọng	Tri	D22_TH06	6.17	130	58	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
601	DH52201655	Đặng Văn	Trọng	D22_TH06	6.55	128	57	13	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
602	DH52201719	Quang Anh	Tuấn	D22_TH06	5.83	123	56	18	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
603	DH52200324	Mai Tuấn	Anh	D22_TH07	2.86	39	20	99	41	2	43	Không đạt					2022-2026	
604	DH52200339	Trần Kỳ	Anh	D22_TH07	6.02	126	57	15	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
605	DH52200354	Đoàn Ngọc	Bảo	D22_TH07	6.04	128	57	13	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
606	DH52200361	Lê Nguyễn Chí	Bảo	D22_TH07	5.58	116	50	25	13	1	14	Không đạt					2022-2026	
607	DH52200367	Nguyễn Hồ Gia	Bảo	D22_TH07	3.69	60	28	81	34	2	36	Không đạt					2022-2026	
608	DH52200428	Trần Chí	Cường	D22_TH07	5.49	103	46	38	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
609	DH52200455	Chung Thành	Đạt	D22_TH07	4.64	77	40	64	24	0	24	Không đạt					2022-2026	
610	DH52200462	Hồ Đức	Đạt	D22_TH07	6.33	128	58	13	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
611	DH52200573	Nguyễn Quốc	Duy	D22_TH07	6.62	124	56	17	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
612	DH52200592	Trương Thanh	Duy	D22_TH07	6.50	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
613	DH52200639	Phan Võ Lâm Anh	Hào	D22_TH07	4.44	59	29	82	33	2	35	Không đạt					2022-2026	
614	DH52200651	Nguyễn Trung	Hậu	D22_TH07	7.78	130	59	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
615	DH52200674	Hoàng Xuân	Hiếu	D22_TH07	4.60	69	31	69	30	1	31	Không đạt					2022-2026	
616	DH52200706	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	D22_TH07	6.03	128	57	13	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
617	DH52200721	Trần Việt	Hoàng	D22_TH07	5.79	113	51	28	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
618	DH52200788	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH07	3.77	43	23	99	41	1	42	Không đạt					2022-2026	
619	DH52200835	Huỳnh Văn	Khang	D22_TH07	4.20	70	32	71	31	1	32	Không đạt					2022-2026	
620	DH52200892	Nguyễn Sỹ	Khiêm	D22_TH07	6.26	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
621	DH52200974	Phạm Ngọc	Lan	D22_TH07	6.38	131	58	10	4	1	5	Không đạt					2022-2026	
622	DH52201030	Trần Hoàng	Long	D22_TH07	6.74	128	58	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
623	DH52201054	Lê Phương	Minh	D22_TH07	7.03	124	56	17	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
624	DH52201072	Nguyễn Thị Thu	Na	D22_TH07	5.87	110	50	31	14	0	14	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTIN 1	TT_BTIN 2			TT_BTIN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
625	DH52201088	Huỳnh Thị Thu	Ngân	D22_TH07	6.09	124	55	17	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
626	DH52201097	Ngô Trọng	Nghĩa	D22_TH07	5.30	98	44	43	20	0	20	Không đạt					2022-2026	
627	DH52201176	Dương Tấn	Phát	D22_TH07	5.31	89	39	52	23	2	25	Không đạt					2022-2026	
628	DH52201268	Nguyễn Đình	Phước	D22_TH07	6.49	128	57	13	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
629	DH52201271	Trần Hữu	Phước	D22_TH07	6.64	120	55	21	8	1	9	Không đạt					2022-2026	
630	DH52201484	Huỳnh Quang	Thiện	D22_TH07	6.06	125	56	16	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
631	DH52201515	Nguyễn Chí	Thông	D22_TH07	6.48	130	60	11	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
632	DH52201529	Châu Thanh	Thuận	D22_TH07	6.39	119	54	22	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
633	DH52201540	Nguyễn	Thức	D22_TH07	5.34	83	39	58	23	1	24	Không đạt					2022-2026	
634	DH52201585	Đặng Nguyễn Hiếu	Toàn	D22_TH07	6.25	123	57	18	6	1	7	Không đạt					2022-2026	
635	DH52201656	Đặng Võ Quốc	Trọng	D22_TH07	5.79	116	53	25	9	1	10	Không đạt					2022-2026	
636	DH52200337	Tổng Thị Bảo	Anh	D22_TH08	6.28	128	59	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
637	DH52200425	Nông Hoàng Mạnh	Cường	D22_TH08	4.76	71	33	70	30	1	31	Không đạt					2022-2026	
638	DH52200489	Nguyễn Tiến	Đạt	D22_TH08	5.69	110	50	31	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
639	DH52200727	Lương Công	Hội	D22_TH08	5.36	100	46	41	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
640	DH52200730	Lê Quốc	Hùng	D22_TH08	5.62	111	49	30	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
641	DH52200749	Trương Chấn	Hung	D22_TH08	5.65	97	45	47	20	0	20	Không đạt					2022-2026	
642	DH52200849	Thái Huỳnh	Khang	D22_TH08	5.11	101	45	41	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
643	DH52200872	Lưu Nhật	Khánh	D22_TH08	6.13	130	59	11	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
644	DH52200946	Lê Tấn	Kiệt	D22_TH08	4.13	60	28	81	36	0	36	Không đạt					2022-2026	
645	DH52200984	Huỳnh Hứa Chí	Linh	D22_TH08	6.40	116	52	25	11	1	12	Không đạt					2022-2026	
646	DH52201032	Huỳnh Hoa	Luân	D22_TH08	5.33	102	46	39	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
647	DH52201128	Đặng Lý	Nguyễn	D22_TH08	4.10	71	32	69	30	1	31	Không đạt					2022-2026	
648	DH52201197	Trần Nhuận	Phát	D22_TH08	3.88	56	26	85	36	2	38	Không đạt					2022-2026	
649	DH52201279	Phạm Uyên	Phương	D22_TH08	6.21	122	57	19	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
650	DH52201302	Lê Nhật	Quang	D22_TH08	5.61	95	41	46	21	2	23	Không đạt					2022-2026	
651	DH52201317	Trần Văn	Quang	D22_TH08	6.36	116	53	25	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
652	DH52201332	Nguyễn Nhật	Quý	D22_TH08	5.48	106	48	35	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
653	DH52201348	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	D22_TH08	6.97	130	59	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
654	DH52201372	Nguyễn Ngọc	Sơn	D22_TH08	5.09	98	46	43	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
655	DH52201496	Nguyễn Chí	Thịnh	D22_TH08	5.90	125	58	16	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
656	DH52201501	Nguyễn Hữu Xuân	Thịnh	D22_TH08	6.69	129	58	12	5	0	5	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
657	DH52201502	Nguyễn Phú	Thịnh	D22_TH08	5.19	100	44	41	18	1	19	Không đạt					2022-2026	
658	DH52201531	Huỳnh Trung	Thuận	D22_TH08	3.97	59	30	82	32	2	34	Không đạt					2022-2026	
659	DH52201555	Nguyễn Quốc	Tiến	D22_TH08	6.15	99	46	42	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
660	DH52200335	Phạm Đức	Anh	D22_TH09	5.16	83	38	58	25	1	26	Không đạt					2022-2026	
661	DH52200343	Võ Minh	Anh	D22_TH09	3.03	42	19	99	42	2	44	Không đạt					2022-2026	
662	DH52200353	Đỗ Gia	Bảo	D22_TH09	4.26	56	27	85	35	2	37	Không đạt					2022-2026	
663	DH52200370	Nguyễn Lê Gia	Bảo	D22_TH09	5.49	112	51	32	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
664	DH52200417	Nguyễn Hồng	Cơ	D22_TH09	3.83	47	23	95	39	2	41	Không đạt					2022-2026	
665	DH52200418	Nguyễn Thành	Công	D22_TH09	4.99	93	42	48	21	1	22	Không đạt					2022-2026	
666	DH52200514	Phan Võ Minh	Đồng	D22_TH09	6.10	120	56	21	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
667	DH52200516	Đoàn Tiến	Đức	D22_TH09	5.96	131	59	10	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
668	DH52200577	Nguyễn Tuấn	Duy	D22_TH09	5.30	98	45	43	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
669	DH52200589	Trần Khương	Duy	D22_TH09	5.40	106	48	35	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
670	DH52200594	Đoàn Trần Ngọc	Duyên	D22_TH09	6.08	125	55	16	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
671	DH52200605	Hoàng Văn	Giáp	D22_TH09	6.39	130	59	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
672	DH52200606	Lê Nguyễn	Giáp	D22_TH09	5.05	70	32	71	30	2	32	Không đạt					2022-2026	
673	DH52200638	Nguyễn Trường Trí	Hào	D22_TH09	4.06	45	23	96	40	1	41	Không đạt					2022-2026	
674	DH52200688	Phạm Văn	Hiếu	D22_TH09	6.29	129	59	12	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
675	DH52200704	Lê Cao Việt	Hoàng	D22_TH09	5.21	103	45	38	18	1	19	Không đạt					2022-2026	
676	DH52200734	Trần Minh	Hùng	D22_TH09	4.13	63	31	80	32	1	33	Không đạt					2022-2026	
677	DH52200746	Trần Huy Khải	Hung	D22_TH09	5.00	71	33	73	31	1	32	Không đạt					2022-2026	
678	DH52200781	Nguyễn Ngọc	Huy	D22_TH09	5.94	117	55	24	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
679	DH52200837	Lê Duy	Khang	D22_TH09	4.54	80	38	61	26	0	26	Không đạt					2022-2026	
680	DH52200873	Nguyễn Đào Minh	Khánh	D22_TH09	5.48	114	53	27	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
681	DH52200874	Nguyễn Duy	Khánh	D22_TH09	4.53	74	32	67	30	2	32	Không đạt					2022-2026	
682	DH52200965	Huỳnh Nhật	Ký	D22_TH09	6.73	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
683	DH52201003	Phạm Tấn	Lộc	D22_TH09	5.57	101	44	40	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
684	DH52201006	Trần Trung	Lộc	D22_TH09	6.75	126	59	15	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
685	DH52201026	Phan Thành	Long	D22_TH09	5.97	116	53	25	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
686	DH52201086	Bùi Ngọc Kim	Ngân	D22_TH09	6.05	131	57	10	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
687	DH52201189	Nguyễn Lê Tiến	Phát	D22_TH09	3.97	49	24	92	38	2	40	Không đạt					2022-2026	
688	DH52201209	Lê Ngọc	Phong	D22_TH09	6.57	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
689	DH52201321	Nguyễn Anh	Quốc	D22_TH09	2.80	51	21	90	41	1	42	Không đạt					2022-2026	
690	DH52201329	Mai Anh	Quý	D22_TH09	2.83	41	20	97	42	1	43	Không đạt					2022-2026	
691	DH52201355	Huỳnh Minh	Sang	D22_TH09	6.14	119	53	22	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
692	DH52201357	Ngô Hoàng	Sang	D22_TH09	6.21	128	59	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
693	DH52201398	Vương Thái	Tài	D22_TH09	7.32	130	58	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
694	DH52201510	Võ Thị Kiều	Thơ	D22_TH09	6.49	128	57	13	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
695	DH52201641	Nguyễn Minh	Triết	D22_TH09	6.44	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
696	DH52200302	Nguyễn Duy	An	D22_TH10	5.68	106	47	35	16	1	17	Không đạt					2022-2026	
697	DH52200308	Nguyễn Văn	An	D22_TH10	6.28	123	57	18	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
698	DH52200320	Đặng Võ Phương	Anh	D22_TH10	5.57	106	46	35	16	1	17	Không đạt					2022-2026	
699	DH52200485	Nguyễn Thành	Đạt	D22_TH10	6.11	118	51	23	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
700	DH52200498	Trần Tuấn	Đạt	D22_TH10	5.74	110	49	31	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
701	DH52200532	Hồ Văn	Dũng	D22_TH10	6.02	124	55	17	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
702	DH52200607	Lê Trần Ngọc	Giàu	D22_TH10	6.40	126	56	15	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
703	DH52200661	Huỳnh Văn	Hiển	D22_TH10	6.39	130	59	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
704	DH52200802	Thái Văn	Huy	D22_TH10	6.65	128	58	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
705	DH52200825	Hồ Thành	Khái	D22_TH10	5.68	112	53	29	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
706	DH52200911	Nguyễn Duy Đăng	Khoa	D22_TH10	5.74	115	52	26	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
707	DH52200979	Nguyễn Duy	Lê	D22_TH10	6.04	117	54	24	8	1	9	Không đạt					2022-2026	
708	DH52200982	Phạm Hoàng	Liên	D22_TH10	5.69	107	50	34	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
709	DH52200987	Nguyễn Trúc	Linh	D22_TH10	6.38	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
710	DH52201014	Đỗ Thành	Long	D22_TH10	5.30	100	45	41	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
711	DH52201178	Hồ Tấn	Phát	D22_TH10	4.81	91	39	50	24	1	25	Không đạt					2022-2026	
712	DH52201266	Phạm Thị Kim	Phụng	D22_TH10	5.20	101	47	40	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
713	DH52201281	Võ Thị Thái	Phương	D22_TH10	5.54	114	49	27	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
714	DH52201374	Phạm Văn	Sơn	D22_TH10	5.31	104	46	37	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
715	DH52201378	Phạm Hữu	Sum	D22_TH10	5.59	105	51	36	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
716	DH52201405	Trương Thanh	Tâm	D22_TH10	5.77	120	53	21	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
717	DH52201445	Võ Văn Chí	Thắng	D22_TH10	5.73	108	48	33	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
718	DH52201458	Nguyễn Chí	Thành	D22_TH10	4.93	91	40	50	24	0	24	Không đạt					2022-2026	
719	DH52201473	Lý Thu	Thảo	D22_TH10	5.08	91	40	50	22	2	24	Không đạt					2022-2026	
720	DH52201512	Nguyễn Nhựt	Thoại	D22_TH10	4.81	87	39	55	26	0	26	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
721	DH52201594	Trần Quốc	Toàn	D22_TH10	6.05	110	52	31	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
722	DH52201624	Mai Hữu	Trí	D22_TH10	6.27	125	55	16	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
723	DH52201643	Ngô Hải	Triều	D22_TH10	5.42	105	45	36	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
724	DH52201694	Huỳnh Phan Đan	Tú	D22_TH10	6.07	118	53	23	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
725	DH52201700	Trương Võ Minh	Tú	D22_TH10	6.56	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
726	DH52201723	Vô Anh	Tuấn	D22_TH10	6.08	121	54	20	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
727	DH52201776	Nguyễn Long	Vũ	D22_TH10	5.82	111	49	30	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
728	DH52200323	Lê Ngọc Đức	Anh	D22_TH11	5.80	119	55	25	9	1	10	Không đạt					2022-2026	
729	DH52200392	Lê Trọng	Bình	D22_TH11	6.67	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
730	DH52200437	Chung Tường	Đặng	D22_TH11	4.67	63	29	75	31	2	33	Không đạt					2022-2026	
731	DH52200442	Nguyễn Khánh	Đặng	D22_TH11	5.72	104	47	37	15	2	17	Không đạt					2022-2026	
732	DH52200482	Nguyễn Tấn	Đạt	D22_TH11	5.68	115	53	26	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
733	DH52200534	Nguyễn Đình	Dũng	D22_TH11	5.37	97	45	44	18	1	19	Không đạt					2022-2026	
734	DH52200550	Nguyễn Trọng	Dương	D22_TH11	5.12	96	43	45	21	0	21	Không đạt					2022-2026	
735	DH52200648	Bùi Công	Hậu	D22_TH11	5.14	93	45	48	18	1	19	Không đạt					2022-2026	
736	DH52200743	Phạm Quốc	Hung	D22_TH11	5.49	111	50	30	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
737	DH52200801	Thái Quang	Huy	D22_TH11	4.64	88	42	50	19	2	21	Không đạt					2022-2026	
738	DH52200855	Võ Minh	Khang	D22_TH11	6.29	126	57	15	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
739	DH52200863	Âu Dương Gia	Khánh	D22_TH11	4.79	79	36	62	26	2	28	Không đạt					2022-2026	
740	DH52200868	Lâm Huỳnh Ngọc	Khánh	D22_TH11	6.41	124	56	17	7	1	8	Không đạt					2022-2026	
741	DH52200882	Phạm Duy	Khánh	D22_TH11	6.28	130	57	11	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
742	DH52200909	Nguyễn Đăng	Khoa	D22_TH11	5.44	103	46	38	16	2	18	Không đạt					2022-2026	
743	DH52200936	Huỳnh Trung	Kiên	D22_TH11	4.70	68	30	74	33	2	35	Không đạt					2022-2026	
744	DH52200973	Nguyễn Hoàng	Lâm	D22_TH11	5.78	119	53	22	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
745	DH52201018	Nguyễn Lê Hoàng	Long	D22_TH11	2.61	43	19	99	45	1	46	Không đạt					2022-2026	
746	DH52201020	Nguyễn Nhật	Long	D22_TH11	6.18	126	57	15	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
747	DH52201039	Đới Công	Luân	D22_TH11	4.53	67	33	74	31	0	31	Không đạt					2022-2026	
748	DH52201082	Phạm Nhật	Nam	D22_TH11	6.23	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
749	DH52201151	Nguyễn Minh	Nhật	D22_TH11	5.07	82	38	59	24	2	26	Không đạt					2022-2026	
750	DH52201323	Nguyễn Phú	Quốc	D22_TH11	5.73	119	54	22	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
751	DH52201404	Phan Huỳnh Nhật	Tâm	D22_TH11	4.79	95	45	46	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
752	DH52201437	Nguyễn Hữu	Thắng	D22_TH11	4.33	64	33	77	30	1	31	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTIN 1	TT_BTIN 2			TT_BTIN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
753	DH52201444	Trương Tấn	Thắng	D22_TH11	5.31	114	50	27	13	1	14	Không đạt					2022-2026	
754	DH52201480	Quách Vũ	Thị	D22_TH11	4.21	63	30	75	32	1	33	Không đạt					2022-2026	
755	DH52201492	Hồ Quốc	Thịnh	D22_TH11	5.94	124	55	17	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
756	DH52201507	Trần Ngọc	Thịnh	D22_TH11	5.73	117	52	24	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
757	DH52201595	Trương Lý Quốc	Toàn	D22_TH11	5.94	128	59	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
758	DH52201603	Nguyễn Ngọc	Trân	D22_TH11	5.40	102	47	39	16	1	17	Không đạt					2022-2026	
759	DH52201609	Lê Trần Thảo	Trang	D22_TH11	5.94	125	58	16	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
760	DH52201628	Nguyễn Minh	Trí	D22_TH11	5.35	104	47	37	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
761	DH52201676	Huỳnh Hữu	Trường	D22_TH11	5.59	115	50	26	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
762	DH52201678	Ngô Văn	Trường	D22_TH11	5.62	110	52	31	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
763	DH52201688	Phan Xuân	Trường	D22_TH11	4.69	81	37	61	27	1	28	Không đạt					2022-2026	
764	DH52201691	Trương Quang	Trường	D22_TH11	5.08	86	38	55	26	0	26	Không đạt					2022-2026	
765	DH52201712	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D22_TH11	3.87	61	31	80	32	0	32	Không đạt					2022-2026	
766	DH52201785	Nguyễn Thị Tường	Vy	D22_TH11	6.18	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
767	DH52200321	Đào Duy	Anh	D22_TH12	4.45	88	40	49	20	2	22	Không đạt					2022-2026	
768	DH52200330	Nguyễn Huy Hoàng	Anh	D22_TH12	4.45	69	33	74	31	1	32	Không đạt					2022-2026	
769	DH52200373	Nguyễn Trương Thiên	Bảo	D22_TH12	5.35	105	47	36	16	1	17	Không đạt					2022-2026	
770	DH52200502	Dương Hồng	Diễm	D22_TH12	5.22	99	42	42	20	1	21	Không đạt					2022-2026	
771	DH52200518	Lê Công	Đức	D22_TH12	4.17	64	31	77	32	1	33	Không đạt					2022-2026	
772	DH52200566	Nguyễn Huỳnh Bảo	Duy	D22_TH12	5.76	104	47	37	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
773	DH52200570	Nguyễn Khoa Minh	Duy	D22_TH12	4.04	45	22	97	41	2	43	Không đạt					2022-2026	
774	DH52200750	Trương Minh	Hung	D22_TH12	4.07	58	27	84	38	0	38	Không đạt					2022-2026	
775	DH52200753	Đình Văn	Hương	D22_TH12	5.06	76	36	65	28	0	28	Không đạt					2022-2026	
776	DH52200797	Phạm Quốc	Huy	D22_TH12	6.57	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
777	DH52200827	Huỳnh Hoàng Nhật	Khải	D22_TH12	5.69	96	43	45	21	0	21	Không đạt					2022-2026	
778	DH52200831	Cao Trần Trọng	Khang	D22_TH12	2.06	25	12	118	50	2	52	Không đạt					2022-2026	
779	DH52200906	Nguyễn Anh	Khoa	D22_TH12	4.49	70	33	71	30	0	30	Không đạt					2022-2026	
780	DH52200929	Nguyễn Hoàng	Khôi	D22_TH12	6.58	120	54	21	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
781	DH52200947	Lương Tuấn	Kiệt	D22_TH12	4.56	88	41	53	23	0	23	Không đạt					2022-2026	
782	DH52201009	Đặng Phước	Long	D22_TH12	6.47	128	58	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
783	DH52201042	Đoàn Khánh	Ly	D22_TH12	5.10	97	45	44	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
784	DH52201100	Nguyễn Thanh	Nghĩa	D22_TH12	5.77	109	50	32	14	0	14	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
785	DH52201102	Phạm Hữu Nghĩa		D22_TH12	6.43	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
786	DH52201124	Phan Trung Nguyên		D22_TH12	4.31	71	33	67	29	1	30	Không đạt					2022-2026	
787	DH52201143	Nguyễn Trần Thành Nhân		D22_TH12	5.96	124	57	17	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
788	DH52201187	Nguyễn Huỳnh Đại Phát		D22_TH12	5.60	106	46	35	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
789	DH52201210	Ngô Đông Phong		D22_TH12	5.76	124	56	17	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
790	DH52201246	Nguyễn Minh Phúc		D22_TH12	5.52	116	54	25	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
791	DH52201296	Phạm Minh Quân		D22_TH12	3.17	40	19	98	41	2	43	Không đạt					2022-2026	
792	DH52201337	Bùi Thúy Quyên		D22_TH12	6.04	114	50	27	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
793	DH52201382	Lê Thành Tài		D22_TH12	5.31	99	45	42	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
794	DH52201415	Nguyễn Ngọc Tấn		D22_TH12	6.14	128	57	13	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
795	DH52201417	Dương Quốc Thái		D22_TH12	5.29	101	46	37	16	1	17	Không đạt					2022-2026	
796	DH52201511	Võ Hoài Thọ		D22_TH12	6.02	113	50	28	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
797	DH52201542	Nguyễn Hoàng Minh Thúc		D22_TH12	4.50	43	23	98	40	1	41	Không đạt					2022-2026	
798	DH52201647	Trần Thiên Triệu		D22_TH12	6.89	128	57	16	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
799	DH52201750	Lê Thanh Việt		D22_TH12	5.50	112	50	29	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
800	DH52201759	Nguyễn Ngọc Vinh		D22_TH12	5.72	110	50	31	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
801	DH52201790	Nguyễn Phúc Toàn Vỹ		D22_TH12	2.11	27	13	110	47	2	49	Không đạt					2022-2026	
802	DH52200317	Huỳnh Ngọc Hồng Ân		D22_TH13	5.37	105	45	36	16	2	18	Không đạt					2022-2026	
803	DH52200334	Nguyễn Văn Tuấn Anh		D22_TH13	5.80	108	51	33	12	1	13	Không đạt					2022-2026	
804	DH52200342	Võ Hoàng Anh		D22_TH13	4.94	80	34	62	30	1	31	Không đạt					2022-2026	
805	DH52200398	Trần Thanh Bình		D22_TH13	5.46	105	48	36	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
806	DH52200406	Trần Ngọc Châu		D22_TH13	5.51	109	49	32	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
807	DH52200407	Phan Thị Bích Chi		D22_TH13	4.64	82	37	61	27	0	27	Không đạt					2022-2026	
808	DH52200474	Mai Hòa Phát Đạt		D22_TH13	4.13	67	31	74	31	2	33	Không đạt					2022-2026	
809	DH52200500	Trịnh Công Đạt		D22_TH13	5.74	117	52	24	12	0	12	Không đạt					2022-2026	
810	DH52200504	Giang Ca Diệp		D22_TH13	5.53	92	42	52	21	2	23	Không đạt					2022-2026	
811	DH52200512	Trần Trung Đông		D22_TH13	5.80	114	51	30	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
812	DH52200585	Phan Nhật Duy		D22_TH13	4.56	99	44	42	19	1	20	Không đạt					2022-2026	
813	DH52200598	Lê Quỳnh Giang		D22_TH13	5.33	102	46	42	19	1	20	Không đạt					2022-2026	
814	DH52200709	Ngô Thanh Hoàng		D22_TH13	4.95	95	43	46	21	0	21	Không đạt					2022-2026	
815	DH52200818	Huỳnh Dương Huỳnh		D22_TH13	6.44	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
816	DH52200820	Đoàn Tuấn Kha		D22_TH13	2.64	41	18	96	42	2	44	Không đạt					2022-2026	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
817	DH52200953	Phạm Tuấn Kiệt		D22_TH13	6.49	125	58	16	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
818	DH52200966	Bùi Nhật Lâm		D22_TH13	5.62	113	49	28	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
819	DH52201049	Nguyễn Trần Công Min		D22_TH13	5.41	105	48	36	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
820	DH52201103	Phạm Trần Chung Nghĩa		D22_TH13	5.46	116	52	25	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
821	DH52201111	Trần Bội Ngọc		D22_TH13	6.39	128	57	13	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
822	DH52201167	Bùi Minh Nhật		D22_TH13	6.07	129	58	12	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
823	DH52201199	Trần Tiến Phát		D22_TH13	6.21	121	55	20	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
824	DH52201216	Trần Tuấn Phong		D22_TH13	5.94	120	52	21	11	0	11	Không đạt					2022-2026	
825	DH52201274	Hồ Hoài Phương		D22_TH13	5.55	110	50	31	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
826	DH52201276	Lê Kiều Phương		D22_TH13	5.87	123	57	18	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
827	DH52201295	Phạm Minh Quân		D22_TH13	6.12	122	55	19	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
828	DH52201298	Trần Đình Quân		D22_TH13	4.09	75	34	66	29	1	30	Không đạt					2022-2026	
829	DH52201309	Nguyễn Trần Quốc Quang		D22_TH13	5.50	105	51	36	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
830	DH52201367	Lê Ngọc Sơn		D22_TH13	5.63	116	52	25	10	1	11	Không đạt					2022-2026	
831	DH52201393	Phan Phước Tài		D22_TH13	5.66	110	49	31	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
832	DH52201402	Phạm Bảo Tâm		D22_TH13	4.99	94	45	47	19	0	19	Không đạt					2022-2026	
833	DH52201408	Hà Vô Thanh Tân		D22_TH13	6.85	129	58	12	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
834	DH52201483	Bùi Nguyễn Đức Thiện		D22_TH13	6.00	124	56	17	7	0	7	Không đạt					2022-2026	
835	DH52201538	Trương Hoàng Thái Thuận		D22_TH13	5.75	120	54	21	9	1	10	Không đạt					2022-2026	
836	DH52201554	Nguyễn Nhật Tiến		D22_TH13	4.68	95	43	46	21	0	21	Không đạt					2022-2026	
837	DH52201616	Huỳnh Minh Trí		D22_TH13	6.10	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
838	DH52201662	Nguyễn Lê Thanh Trúc		D22_TH13	6.45	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
839	DH52201758	Nguyễn Lê Quang Vinh		D22_TH13	6.39	114	51	27	11	1	12	Không đạt					2022-2026	
840	DH52200359	Lâm Kim Bảo		D22_TH14	4.70	92	42	49	21	1	22	Không đạt					2022-2026	
841	DH52200371	Nguyễn Thái Bảo		D22_TH14	5.74	118	54	23	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
842	DH52200438	Nguyễn Hải Đăng		D22_TH14	5.05	81	41	60	22	1	23	Không đạt					2022-2026	
843	DH52200461	Hồ Cao Minh Đạt		D22_TH14	4.60	85	39	56	23	2	25	Không đạt					2022-2026	
844	DH52200470	Lê Thành Đạt		D22_TH14	5.81	117	56	24	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
845	DH52200477	Nguyễn Đàm Thành Đạt		D22_TH14	3.96	72	33	69	29	2	31	Không đạt					2022-2026	
846	DH52200515	Nguyễn Ngọc Dự		D22_TH14	4.80	86	40	55	23	1	24	Không đạt					2022-2026	
847	DH52200564	Nguyễn Bá Nhật Duy		D22_TH14	5.86	118	54	23	9	1	10	Không đạt					2022-2026	
848	DH52200567	Nguyễn Khánh Duy		D22_TH14	6.35	129	58	12	6	0	6	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
849	DH52200644	Trang Sĩ Anh	Hào	D22_TH14	7.10	128	58	13	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
850	DH52200646	Trần Minh	Hào	D22_TH14	5.74	103	47	38	17	0	17	Không đạt					2022-2026	
851	DH52200675	Huỳnh Công	Hiếu	D22_TH14	6.01	113	50	28	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
852	DH52200692	Trịnh Công	Hòa	D22_TH14	4.44	85	40	56	23	1	24	Không đạt					2022-2026	
853	DH52200707	Lê Nhật	Hoàng	D22_TH14	1.93	30	16	111	46	2	48	Không đạt					2022-2026	
854	DH52200722	Trương Mai Quốc	Hoàng	D22_TH14	5.55	115	54	26	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
855	DH52200780	Nguyễn Ngọc	Huy	D22_TH14	5.68	125	58	16	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
856	DH52200823	Tô Đặng Hoàng	Kha	D22_TH14	5.08	84	40	57	22	1	23	Không đạt					2022-2026	
857	DH52200832	Đình Tấn	Khang	D22_TH14	6.22	113	51	28	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
858	DH52200833	Đỗ Nguyễn	Khang	D22_TH14	4.04	47	22	94	40	2	42	Không đạt					2022-2026	
859	DH52200861	Trần Thới	Khanh	D22_TH14	5.41	93	42	48	22	0	22	Không đạt					2022-2026	
860	DH52200926	Lê Nguyễn Minh	Khôi	D22_TH14	5.71	121	56	20	8	0	8	Không đạt					2022-2026	
861	DH52201017	Ngô Bảo	Long	D22_TH14	4.12	60	29	81	33	2	35	Không đạt					2022-2026	
862	DH52201029	Trần Hải	Long	D22_TH14	5.89	113	48	28	15	0	15	Không đạt					2022-2026	
863	DH52201053	Huỳnh Văn	Minh	D22_TH14	3.83	67	33	71	28	1	29	Không đạt					2022-2026	
864	DH52201059	Nguyễn Phan Hoài	Minh	D22_TH14	3.19	40	20	102	44	1	45	Không đạt					2022-2026	
865	DH52201146	Trần Thanh	Nhân	D22_TH14	4.56	69	34	72	30	0	30	Không đạt					2022-2026	
866	DH52201235	Lê Hoàng	Phúc	D22_TH14	6.28	123	57	18	6	1	7	Không đạt					2022-2026	
867	DH52201287	Nguyễn Anh	Quân	D22_TH14	6.29	129	59	12	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
868	DH52201301	Huỳnh Thế	Quang	D22_TH14	6.62	131	60	10	4	0	4	Không đạt					2022-2026	
869	DH52201311	Phạm Minh	Quang	D22_TH14	3.48	25	12	118	50	2	52	Không đạt					2022-2026	
870	DH52201342	Văn	Quyển	D22_TH14	3.32	49	21	92	40	2	42	Không đạt					2022-2026	
871	DH52201395	Trần Phát	Tài	D22_TH14	6.19	112	50	29	14	0	14	Không đạt					2022-2026	
872	DH52201428	Phạm Minh	Thân	D22_TH14	5.99	122	55	19	9	0	9	Không đạt					2022-2026	
873	DH52201500	Nguyễn Hữu	Thịnh	D22_TH14	3.32	37	18	104	44	2	46	Không đạt					2022-2026	
874	DH52201591	Phạm Đức	Toàn	D22_TH14	6.52	127	58	14	6	0	6	Không đạt					2022-2026	
875	DH52201615	Dương Đặng Minh	Trí	D22_TH14	4.55	65	31	77	32	2	34	Không đạt					2022-2026	
876	DH52201640	Vương Minh	Trí	D22_TH14	2.12	26	13	117	50	1	51	Không đạt					2022-2026	
877	DH52201666	Cao Minh Trung	Trực	D22_TH14	2.35	32	15	106	46	2	48	Không đạt					2022-2026	
878	DH52201670	Nguyễn Thành	Trung	D22_TH14	5.94	116	54	25	10	0	10	Không đạt					2022-2026	
879	DH52201697	Nguyễn Minh	Tú	D22_TH14	5.93	113	52	31	13	0	13	Không đạt					2022-2026	
880	DH52201714	Nguyễn Minh	Tuấn	D22_TH14	2.48	27	12	111	49	2	51	Không đạt					2022-2026	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
881	DH52201793	Trang Huỳnh Như	ý	D22_TH14	6.33	129	58	12	6	0	6	Không đạt				2022-2026		
882	DH52200301	Ngô Thị Vân	An	D22_TH15	6.87	126	58	15	5	1	6	Không đạt				2022-2026		
883	DH52200310	Phạm Trần Bảo	An	D22_TH15	5.57	102	47	42	17	1	18	Không đạt				2022-2026		
884	DH52200314	Trần Huy	An	D22_TH15	6.61	125	58	16	6	0	6	Không đạt				2022-2026		
885	DH52200322	Lê Đức	Anh	D22_TH15	6.17	122	57	19	7	0	7	Không đạt				2022-2026		
886	DH52200355	Dương Quốc	Bảo	D22_TH15	5.71	112	52	29	12	0	12	Không đạt				2022-2026		
887	DH52200358	K' Dương Sơn	Bảo	D22_TH15	4.48	61	30	80	33	1	34	Không đạt				2022-2026		
888	DH52200449	Đỗ Tô Thanh	Danh	D22_TH15	5.79	114	51	27	13	0	13	Không đạt				2022-2026		
889	DH52110769	Nguyễn Hữu	Đạt	D22_TH15	3.37	50	21	87	39	2	41	Không đạt				2022-2026		
890	DH52200544	Đinh Thị Thùy	Dương	D22_TH15	6.00	123	56	18	8	0	8	Không đạt				2022-2026		
891	DH52200625	Tô Nguyễn Gia	Hân	D22_TH15	5.67	113	51	28	12	0	12	Không đạt				2022-2026		
892	DH52200628	Bùi Hữu	Hạnh	D22_TH15	5.57	112	51	29	13	0	13	Không đạt				2022-2026		
893	DH52200645	Phạm Minh	Hào	D22_TH15	5.89	107	47	34	16	1	17	Không đạt				2022-2026		
894	DH52200676	Huỳnh Trọng	Hiếu	D22_TH15	2.50	26	13	111	47	2	49	Không đạt				2022-2026		
895	DH52200678	Lâm Thanh	Hiếu	D22_TH15	3.99	74	33	67	30	1	31	Không đạt				2022-2026		
896	DH52200814	Lê Thị Diệu	Huyền	D22_TH15	6.70	130	59	11	5	0	5	Không đạt				2022-2026		
897	DH52200951	Nguyễn Tuấn	Kiệt	D22_TH15	6.74	130	59	11	5	0	5	Không đạt				2022-2026		
898	DH52201079	Nguyễn Lê Nhật	Nam	D22_TH15	5.83	113	51	28	13	0	13	Không đạt				2022-2026		
899	DH52201113	Hà Trọng	Nguyên	D22_TH15	5.20	103	47	38	16	1	17	Không đạt				2022-2026		
900	DH52201144	Phạm Thế	Nhân	D22_TH15	4.09	70	34	71	29	1	30	Không đạt				2022-2026		
901	DH52201145	Trần Nguyễn Thành	Nhân	D22_TH15	3.43	42	20	101	42	2	44	Không đạt				2022-2026		
902	DH52201158	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D22_TH15	6.28	123	56	18	8	0	8	Không đạt				2022-2026		
903	DH52201227	Đặng Hoàng	Phúc	D22_TH15	2.97	38	17	99	43	2	45	Không đạt				2022-2026		
904	DH52201234	Lê Hoàng	Phúc	D22_TH15	5.99	112	49	29	15	0	15	Không đạt				2022-2026		
905	DH52201242	Nguyễn Hoàng	Phúc	D22_TH15	5.75	118	54	26	10	1	11	Không đạt				2022-2026		
906	DH52201249	Nguyễn Thanh	Phúc	D22_TH15	6.07	117	53	24	10	1	11	Không đạt				2022-2026		
907	DH52108080	Nguyễn Trường	Phúc	D22_TH15	5.26	89	42	49	19	1	20	Không đạt				2022-2026		
908	DH52201261	Võ Duy	Phúc	D22_TH15	5.46	120	53	21	11	0	11	Không đạt				2022-2026		
909	DH52201288	Nguyễn Hoàng	Quân	D22_TH15	4.56	87	42	54	21	1	22	Không đạt				2022-2026		
910	DH52201320	Vũ Huỳnh	Quý	D22_TH15	5.89	120	55	21	8	1	9	Không đạt				2022-2026		
911	DH52201486	Nguyễn Lê Đình	Thiện	D22_TH15	3.57	57	25	86	37	2	39	Không đạt				2022-2026		
912	DH52201506	Trần Huy	Thịnh	D22_TH15	3.90	69	33	72	30	1	31	Không đạt				2022-2026		

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTN 1	TT_BTN 2			TT_BTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
913	DH52201564	Đào Việt	Tin	D22_TH15	4.01	77	38	66	26	0	26	Không đạt					2022-2026	
914	DH52201619	Lê Hữu	Trí	D22_TH15	4.12	78	33	63	30	1	31	Không đạt					2022-2026	
915	DH52201637	Trần Đình	Trí	D22_TH15	5.11	96	46	45	18	0	18	Không đạt					2022-2026	
916	DH52201644	Trần Hồ Hải	Triều	D22_TH15	4.18	72	32	69	31	1	32	Không đạt					2022-2026	
917	DH52201681	Nguyễn Nhật	Trường	D22_TH15	5.44	107	48	34	16	0	16	Không đạt					2022-2026	
918	DH52201718	Nông Minh	Tuấn	D22_TH15	3.42	51	26	86	36	0	36	Không đạt					2022-2026	
919	DH52201733	Nguyễn Thanh	Tùng	D22_TH15	4.01	55	27	83	34	2	36	Không đạt					2022-2026	
920	DH52201739	Lê Thị Kim	Tuyển	D22_TH15	6.45	129	57	12	6	1	7	Không đạt					2022-2026	
921	DH52201773	Nguyễn Đức	Vũ	D22_TH15	6.54	130	59	11	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
922	DH52201778	Phan Long	Vũ	D22_TH15	6.52	128	59	13	5	0	5	Không đạt					2022-2026	
Nhóm 03 Sinh viên khóa trước học lại BTTN cuối khóa																		
1	DH52000037	Đỗ Hoàng	Dũng	D20_TH01	5.99	147	66	4	2	0	2	Đăng ký lại	X				2020-2024	
2	DH52003145	Huỳnh Trần Anh	Quốc	D20_TH01	6.16	147	66	4	2	0	2	Đăng ký lại	X				2020-2024	
3	DH52003592	Nguyễn Khải	Minh	D20_TH02	5.71	142	64	9	4	0	4	Đăng ký lại	X				2020-2024	
4	DH52003563	Phan Văn	Việt	D20_TH03	6.31	151	68	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2020-2024	
5	DH52003968	Lý Quốc	Thông	D20_TH05	7.28	155	69	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2020-2024	
6	DH52005891	Phạm Nguyễn Hoàng	Khang	D20_TH07	6.60	151	68	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2020-2024	
7	DH52005051	Đặng Trung	Trực	D20_TH08	6.58	148	66	3	1	0	1	Đăng ký lại	X				2020-2024	
8	DH52005699	Nguyễn Hùng	Cường	D20_TH10	6.16	150	66	1	1	0	1	Đăng ký lại	X				2020-2024	
9	DH52007161	Phạm Duy	Thắng	D20_TH11	5.97	148	67	3	1	0	1	Đăng ký lại	X				2020-2024	
10	DH52106859	Phạm Phúc	Khả	D21_TH01	6.28	151	68	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2021-2025	
11	DH52106740	Trần Hoàng	Long	D21_TH03	6.10	142	65	9	3	0	3	Đăng ký lại	X				2021-2025	
12	DH52100514	Trần Quốc	Nam	D21_TH04	6.39	146	66	5	2	0	2	Đăng ký lại	X				2021-2025	
13	DH52106198	Nguyễn Gia	Phú	D21_TH04	7.11	151	67	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2021-2025	
14	DH52109172	Nguyễn Thành	Sang	D21_TH07	6.70	148	66	3	1	0	1	Đăng ký lại	X				2021-2025	
15	DH52111086	Dương Trí	Khang	D21_TH08	6.16	145	66	6	2	0	2	Đăng ký lại	X				2021-2025	
16	DH52111015	Nguyễn Huỳnh Quốc	Huy	D21_TH10	7.04	146	66	5	2	0	2	Đăng ký lại	X				2021-2025	
17	DH52113174	Phạm Nguyễn Thanh	Tâm	D21_TH12	7.19	151	68	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2021-2025	
18	DH52111439	Huỳnh Tấn	Nhớ	D21_TH13	6.38	151	68	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2021-2025	
19	DH52111756	Lê Minh	Thảo	D21_TH13	6.13	151	68	3	1	0	1	Đăng ký lại	X				2021-2025	
20	DH52110802	Trần Ngọc	Điền	D21_TH14	6.45	151	68	0	0	0	0	Đăng ký lại	X				2021-2025	
21	DH52111263	Nguyễn Hòa	Lợi	D21_TH14	6.44	142	64	9	3	0	3	Đăng ký lại	X				2021-2025	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm trung bình	Tích lũy (Đạt)		Chưa tích lũy (Chưa đạt)			Kết quả xét và hình thức thực hiện Bài thi tốt nghiệp					Khóa học	Ghi chú	
						Số tín chỉ	Số môn học	Số tín chỉ	Số môn học			Kết quả	Đồ án/ Khóa luận	Môn thay thế Bài thi tốt nghiệp				
									Môn khác Đồ án	Môn Đồ án	Tổng			TT_BTTN 1	TT_BTTN 2			TT_BTTN 3
(01)	(02)	(03)		(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
22	DH52113745	Nguyễn Thành	Lợi	D21_TH14	6.19	145	66	6	2	0	2	Đăng ký lại	X				2021-2025	
23	DH52113047	Phan Đức	Thắng	D21_TH14	7.15	148	67	3	1	0	1	Đăng ký lại	X				2021-2025	

Ghi chú : Số liệu tính tới ngày 24/03/2026.

(1) Xét điều kiện thực hiện bài thi tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện thực hiện BTTN cuối khóa khi thỏa điều kiện dưới đây:

Điều kiện	Mô tả	Ngành áp dụng
Điều kiện 01	Điểm trung bình tích lũy (Cột 05) $\geq 5,0$ điểm theo thang điểm 10.	Chung các ngành
Điều kiện 02	Số tín chỉ chưa đạt (Cột 08) $\leq 9,0$ tín chỉ.	Chung các ngành
Điều kiện 03	Số môn học đồ án chưa đạt > 0 môn; Sinh viên phải đăng ký thực hiện môn đồ án chưa đạt đồng thời với đồ án/khóa luận tốt nghiệp; sinh viên phải đạt đồ án môn học trước khi bảo vệ trước hội đồng tốt nghiệp.	CNKT ĐĐT CNKT ĐTVT TKCN

(2) Hình thức tổ chức thực hiện Bài thi tốt nghiệp cuối khóa :

Ngành	Nhóm 01 Sinh viên đủ điều kiện thực hiện BTTN cuối khóa	Nhóm 02 Sinh viên chưa đủ điều kiện thực hiện BTTN cuối khóa	Nhóm 03 Sinh viên học lại BTTN cuối khóa	Ghi chú
Công nghệ thông tin	Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	Không được thực hiện Bài thi tốt nghiệp	Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	

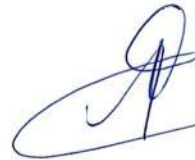
Tp. HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2026

Người lập bảng



Phan Thị Thanh Tuyền

Trưởng Phòng Đào tạo



ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

Tp. HCM, ngày 02 tháng 04 năm 2026

Nhiệm vụ



PGS. TS. Cao Hào Thi